|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC-UBND | *Tây Ninh, ngày tháng năm 2025* |

|  |
| --- |
| **DỰ THẢO** |

**BÁO CÁO**

**Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng**

**nông thôn mới năm 2024 đối với thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

## Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

## Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

## Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 03/2024/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Căn cứ Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; bổ sung huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021 - 2025;

## Căn cứ Quyết định số 2180/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

## Căn cứ Quyết định số 2181/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1622/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

#### Căn cứ Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 - 2025;

## Theo đề nghị của UBND thành phố Tây Ninh tại Tờ trình số 275/TTr-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2024 về việc thẩm tra, xét công nhận thành phố Tây Ninh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2024;

Theo kết quả thẩm tra, đánh giá mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã xây dựng nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao và điều kiện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2024 của các sở ngành, đơn vị cấp tỉnh đối với thành phố Tây Ninh. UBND tỉnh Tây Ninh báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới đối với thành phố Tây Ninh năm 2024, cụ thể như sau:

**I. KẾT QUẢ THẨM TRA**

Thời gian thẩm tra từ ngày tháng năm 2024 đến ngày tháng năm 2025.

**1. Về hồ sơ**

Công tác đánh giá kết quả đạt chuẩn nông thôn mới (NTM) của thành phố Tây Ninh đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch, đúng trình tự, đủ thủ tục, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức và Nhân dân.

Các tài liệu minh chứng, kết quả thực hiện các tiêu chí và lấy ý kiến các tổ chức và Nhân dân được tập hợp, phân loại, lưu trữ đầy đủ, các tiêu chí được UBND thành phố Tây Ninh tổ chức tự đánh giá, trình các sở, ngành chuyên môn của tỉnh thẩm tra, xác nhận mức độ đạt chuẩn NTM theo đúng quy định.

Hồ sơ đề nghị xét, công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM của thành phố Tây Ninh đầy đủ theo quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg,Quyết định số 03/2024/QĐ-TTg, gồm:

- Tờ trình số 275/TTr-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2024 của UBND thành phố Tây Ninh về việc đề nghị thẩm tra, xét, công nhận thành phố Tây Ninh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM năm 2024.

- Danh sách các xã đã đạt chuẩn NTM thuộc thành phố Tây Ninh.

- Danh sách các xã đã đạt chuẩn NTM nâng cao thuộc thành phố Tây Ninh.

- Danh sách các phường đạt chuẩn đô thị văn minh thuộc thành phố Tây Ninh.

- Biên bản số 30/BB-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2024 của UBND thành phố Tây Ninh họp đề nghị xét, công nhận thành phố Tây Ninh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM năm 2024.

- Báo cáo số 564/BC-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2024 của UBND thành phố Tây Ninh về kết quả xây dựng NTM đến năm 2024 của thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Báo cáo số 563/BC-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2024 của UBND thành phố Tây Ninh về tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM đến năm 2024 trên địa bàn thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Báo cáo số 562/BC-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2024 của UBND thành phố Tây Ninh về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện xây dựng NTM trên địa bàn thành phố Tây Ninh.

- Video clip, hình ảnh minh họa kết quả xây dựng NTM của thành phố Tây Ninh.

**2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng thành phố Tây Ninh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM**

Xác định xây dựng NTM là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên, lâu dài, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực với sự tham gia của toàn xã hội. Năm 2011, từ khi bắt tay thực hiện Chương trình, Ban chấp hành Đảng bộ thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh) đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo; UBND thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh) đã triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM thị xã giai đoạn 2011 - 2015, giai đoạn 2016 - 2020 và giai đoạn 2021 - 2025.

Trên cơ sở đánh giá rút kinh nghiệm kết quả tồn tại và nguyên nhân, sau những năm triển khai xây dựng NTM; Thành ủy, UBND thành phố Tây Ninh đã ban hành nhiều văn bản về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng NTM. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố Tây Ninh tổ chức tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia thực hiện chương trình, giám sát các nội dung xây dựng NTM trên địa bàn. Tổ chức quán triệt đầy đủ, nghiêm túc, hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM; tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Chỉ thị, cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh và thành phố Tây Ninh trong xây dựng NTM.

Đảng ủy - HĐND - UBND các xã cụ thể hóa sự chỉ đạo của Thành ủy -HĐND - UBND thành phố Tây Ninh, Ban Chỉ đạo xây dựng NTM thành phố Tây Ninh bằng các Nghị quyết lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng NTM và các Nghị quyết chuyên đề, đồng thời lập quy hoạch, đề án xây dựng NTM, xây dựng các kế hoạch công tác, chương trình hành động về xây dựng NTM và phát triển sản xuất, xây dựng và ban hành các quy chế quản lý quy hoạch, đất đai ... Chỉ đạo các ấp xây dựng Nghị quyết của chi bộ, quy ước khu dân cư và xây dựng các kế hoạch triển khai; xây dựng nhà văn hóa, đường làng, ngõ xóm, hệ thống chiếu sáng, tiêu thoát nước khu dân cư; đường trục chính nội đồng, các kế hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp, thương mại, dịch vụ, gia đình văn hóa...

**3. Về số xã, phường đạt chuẩn theo quy định**

**3.1. Số xã đạt chuẩn theo quy định**

Tổng số xã trên địa bàn thành phố Tây Ninh: 03 xã (Bình Minh, Thạnh Tân, Tân Bình).

Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 03/03 xã, cụ thể:

- Xã Bình Minh được công nhận theo Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công nhận các xã đạt chuẩn NTM năm 2014.

- Xã Thạnh Tân được công nhận theo Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công nhận các xã đạt chuẩn NTM 2019.

- Xã Tân Bình được công nhận theo Quyết định số 1030/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công nhận các xã đạt chuẩn NTM, xã đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2020.

Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 100%.

Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 03/03 xã (Bình Minh được công nhận theo Quyết định số 1472/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công nhận các xã đạt chuẩn NTM, xã đạt chuẩn NTM nâng cao, xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2022; Thạnh Tân được công nhận theo Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công nhận các xã đạt chuẩn NTM, xã đạt chuẩn NTM nâng cao, xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2023; Tân Bình được công nhận theo Quyết định số 2589/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công nhận các xã đạt chuẩn NTM, xã đạt chuẩn NTM nâng cao, xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2024)*.*

Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 66,6%.

**3.2. Số phường đạt chuẩn theo quy định**

Tổng số phường trên địa bàn thành phố: 07 phường (1, 2, 3, 4, Hiệp Ninh, Ninh Thạnh, Ninh Sơn).

Số phường đã được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh: 07/07 phường, cụ thể:

- Phường 1 được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh theo Quyết định số 980/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND thành phố Tây Ninh công nhận phường 1 đạt chuẩn đô thị văn minh năm 2024.

- Phường 2 được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh theo Quyết định số 981/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND thành phố Tây Ninh công nhận phường 2 đạt chuẩn đô thị văn minh năm 2024.

- Phường 3 được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh theo Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND thành phố Tây Ninh công nhận phường 3 đạt chuẩn đô thị văn minh năm 2024.

- Phường IV được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh theo Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND thành phố Tây Ninh công nhận phường 4 đạt chuẩn đô thị văn minh năm 2024.

- Phường Hiệp Ninh được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh theo Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND thành phố Tây Ninh công nhận phường Hiệp Ninh đạt chuẩn đô thị văn minh năm 2024.

- Phường Ninh Thạnh được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh theo Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND thành phố Tây Ninh công nhận phường Ninh Thạnh đạt chuẩn đô thị văn minh năm 2024.

- Phường Ninh Sơn được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh theo Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND thành phố Tây Ninh công nhận phường Ninh Sơn đạt chuẩn đô thị văn minh năm 2024.

Tỷ lệ số phường đạt chuẩn đô thị văn minh: 100%.

**4. Về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các xã**

Thành phố Tây Ninh có 03/03 xã (Bình Minh, Thạnh Tân, Tân Bình) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 100%. Qua rà soát, đến nay có 03/03 xã duy trì đạt chuẩn nông thôn mới theo Quyết định số 318/QĐ-TTg, Quyết định số 211/QĐ-TTg; Quyết định số 2180/QĐ-UBND, Quyết định số 1622/QĐ-UBND, cụ thể như sau:

**4.1. Công tác lập quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 1.1 - Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển KT-XH của xã giai đoạn 2021-2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ và phát triển nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn.*

*Chỉ tiêu 1.2 - Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 1.1*** *- Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng quy định.*

Năm 2013, UBND thành phố Tây Ninh đã phê duyệt Đồ án quy hoạch chung cho 03/03 xã xây dựng NTM.

Năm 2024, UBND tỉnh phê duyệt Đồ án quy hoạch chung cho thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đến năm 2045, đảm bảo tiêu chí quy hoạch theo Quy định tại Khoản 2 Điều 31 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng.

UBND các xã đã công bố, công khai rộng rãi và tiến hành cắm mốc giới theo quy hoạch. 100% xã đã xây dựng quy chế quản lý quy hoạch; rà soát, bổ sung quy hoạch, đáp ứng yêu cầu của Bộ tiêu chí NTM và tình hình thực tế, phù hợp với quy hoạch của thành phố theo vùng, theo ngành, đảm bảo với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch cơ cấu lại ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; kết hợp xây dựngNTM với đô thị hóa, xây dựng cơ sở hạ tầng... đã được sự đồng thuận cao của cộng đồng dân cư nông thôn; phù hợp quy hoạch phát triển, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và xây dựngNTM.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 1.2*** *- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch*: 03/03 xã đều có Quy chế quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới được UBND thành phố Tây Ninh phê duyệt, hiện các xã đã tổ chức thực hiện tốt các đồ án quy hoạch được duyệt, đồng thời phối hợp cơ quan chuyên môn thường xuyên kiểm tra, quản lý việc xây dựng của người dân đảm bảo phù hợp theo nội dung quy hoạch được duyệt. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 03/03 xã đạt, duy trì tiêu chí số 1- Quy hoạch theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**4.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu**

**4.2.1. Về giao thông**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 2.1 - Tỷ lệ đường xã được nhựa hoá hoặc bê tông hoá, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: đạt tỷ lệ 100%.*

*Chỉ tiêu 2.2 - Tỷ lệ đường ấp, liên ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: đạt tỷ lệ 100%.*

*Chỉ tiêu 2.3 - Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm: đạt tỷ lệ 100% (trong đó có tối thiểu 50% được cứng hoá).*

*Chỉ tiêu 2.4 - Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm: đạt tỷ lệ 100% (trong đó có tối thiểu 50% được cứng hoá).*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 2.1*** *- Tỷ lệ đường xã được nhựa hoá hoặc bê tông hoá, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm:* có 42,93 km/42,93 km tuyến đường xã trên địa bàn 03 xã đã đượcnhựa hoá hoặc bê tông hoá, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm, đạt tỷ lệ 100%.

***Chỉ tiêu 2.2*** *- Tỷ lệ đường ấp, liên ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm:* có 38,88 km/38,88 km tuyến đường ấp, liên ấp trên địa bàn 03 xã đã được nhựa hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm, đạt 100%.

***Chỉ tiêu 2.3*** *- Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm: đạt tỷ lệ 100% (trong đó có tối thiểu 50% được cứng hoá):* có 21,2 km/21,2 km tuyến đường ngõ, xóm được cứng hóa, sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm, đạt 100%.

***Chỉ tiêu 2.4****- Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm: đạt tỷ lệ 100% (trong đó có tối thiểu 50% được cứng hoá):* có 76,4 km/76,4 km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, đạt 100%.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 03/03 xã đạt, duy trì tiêu chí số 2 - Giao thông theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**4.2.2. Về Thủy lợi và phòng chống thiên tai**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 3.1-**Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động ≥ 80%.*

*Chỉ tiêu 3.2 -**Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 3.1*** *- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu  
nước chủ động ≥ 80%:* tỷ lệ diện tích sản xuất nông nghiệp được  
tưới và tiêu chủ động của 03 xã trên địa bàn thành phố Tây Ninh đạt trên 95%; tỷ lệ diện tích nuôi trồng thủy sản đảm bảo cấp, thoát nước chủ động là 26,32 ha/26,32 ha đạt 100%.

***Chỉ tiêu 3.2*** *- Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo  
phương châm 4 tại chỗ:* từ năm 2010 đến năm 2024, 03 xã đã thực hiện tốt các yêu cầu về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 03/03 xã đạt, duy trì tiêu chí số 3 - Thủy lợi và phòng chống thiên tai theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**4.2.3. Điện**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 4.1- Hệ thống điện đạt chuẩn.*

*Chỉ tiêu 4.2 - Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định (100%).*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 4.1****- Hệ thống điện đạt chuẩn:* hệ thống điện trên địa bàn 3 xã từ năm 2011 đến nay đã được ngành điện thường xuyên kiểm tra, rà soát, thực hiện đầu tư, cải tạo và nâng cấp hệ thống đường dây, trạm biến áp các xã; tổng chiều dài đường dây trung thế: 120,8km (tăng 22,23 km so năm 2011), hạ thế 130,42 km (tăng 48,97 km so năm 2011); có 271 trạm biến áp (tăng 75 trạm so năm 2011), đảm bảo hoàn thành mục tiêu đề án, hệ thống lưới điện hạ thế và TBA được phân phối đảm bảo chất lượng điện áp khoảng cách an toàn và hành lang đảm bảo kỹ thuật của ngành điện.

***Chỉ tiêu 4.2*** *- Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định (100%):* 100% hộ dân trên địa bàn 3 xã có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của người dân từ các nguồn.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 03/03 xã đạt, duy trì tiêu chí số 4 - Điện theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**4.2.4. Trường học**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1.*

**b) Kết quả thực hiện**

Trước năm 2011, trên địa bàn 03 xã có 02 trường đạt chuẩn quốc gia; từ năm 2011 đi vào xây dựng nông thôn mới, thành phố Tây Ninh đầu tư 09 trường đạt chuẩn quốc gia cơ sở vật chất mức độ 1. Trên địa bàn 03 xãcó 11/11 trường học (100%) được công nhận đạt chuẩn quốc gia.

(*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 03/03 xã đạt, duy trì tiêu chí số 5 - Trường học theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**4.2.5. Cơ sở vật chất văn hóa**

Chỉ tiêu 6.1 *- Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.*

Chỉ tiêu 6.2 *- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.*

Chỉ tiêu 6.3 *- Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng 100%.*

**b) Kết quả thực hiện**

**Chỉ tiêu 6.1** *- Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã :* 03/03 xã có Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Học tập cộng đồng được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất sinh hoạt văn hóa, thể thao của xã.

**Chỉ tiêu 6.2 -** *Về điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi:* trên địa bàn 03 xã có 11 điểm vui chơi, giải trí được bố trí trong khuôn viên Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Học tập cộng đồng, các nhà văn hóa ấp, trường học …được trang thiết bị cụm trò chơi, tập luyện thể thao đảm bảo nhu cầu cho người già và trẻ em sinh hoạt, vui chơi, giải trí đảm bảo theo quy định.

**Chỉ tiêu 6.3 -** *Có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng:* có14/14 ấp trên địa bàn 03 xã có Nhà văn hóa và khu thể thao ấp được xây dựng và đi vào hoạt động, có hội trường với sức chứa hơn 100 chỗ ngồi, có trang bị bàn ghế phục vụ hội họp, có bố trí bộ khánh tiết, khu vệ sinh, chỗ để xe…. đảm bảo hoạt động.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 03/03 xã đạt, duy trì tiêu chí số 6 - Cơ sở vật chất văn hóa theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**4.2.6. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa.*

**b) Kết quả thực hiện**

Sau hơn 10 năm triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, đến năm 2024, thành phố Tây Ninh hoàn thành việc cải tạo nâng cấp, đầu tư xây mới 03 chợ/03 xã, phục vụ nhu cầu buôn bán trao đổi hàng hóa của người dân trên địa bàn, đáp ứng được yêu cầu xây dựng NTM và dân sinh. Các chợ đảm bảo về mặt bằng, diện tích xây dựng, kết cấu nhà chợ chính (bán kiên cố), các yêu cầu đối với các bộ phận phụ trợ và kỹ thuật công trình, điều hành quản lý chợ hoạt động theo quy định pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó, trên địa bàn 02 xã Bình Minh và Thạnh Tân có cửa hàng tiện lợi thuộc hệ thống Bách Hóa Xanh, đảm bảo phục vụ tốt về nhu yếu phẩm hàng ngày của người dân.

(*Kết quả đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

**c)** **Đánh giá:** 03/03 xã đạt, duy trì tiêu chí số 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**4.2.6. Thông tin và truyền thông**

**a) Yêu****cầu tiêu chí**

Chỉ tiêu 8.1**-** *Xã có điểm phục vụ bưu chính.*

Chỉ tiêu 8.2 *- Xã có dịch vụ viễn thông, internet.*

Chỉ tiêu 8.3 *- Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp.*

Chỉ tiêu 8.4 *- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.*

**b) Kết quả thực hiện**

**Chỉ tiêu 8.1** - *Xã có điểm phục vụ bưu chính:* 03/03 xã đều có Bưu điện văn hóa xã đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính của các tổ chức, cá nhân tại địa phương như: nhận gửi bưu phẩm, bưu kiện, chuyển phát nhanh, phát hành báo, chuyển tiền nhanh, chi trả lương hưu, trợ cấp và BHXH.

**Chỉ tiêu 8.2** *- Xã có dịch vụ viễn thông, internet*: 03/03 xã đều có hạ tầng viễn thông, internet của các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông, internet đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn về hạ tầng và chất lượng dịch vụ, đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng sử dụng điện thoại cố định, di động, internet băng rộng; 03/3 xã đều có mạng wifi miễn phí tại trụ sở UBND xã (tốc độ đường truyền 30 Mps) và tại Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Học tập cộng đồng xã (tốc độ đường truyền 70 Mps) phục vụ công tác quản lý, điều hành của xã và phục vụ miễn phí cho các tổ chức, cá nhân tại địa phương.

**Chỉ tiêu 8.3** - *Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp:* 03/03 xã có hệ thống Đài truyền thanh đáp ứng theo quy định. 100% số ấp có hệ thống loa truyền thanh hoạt động tốt phục vụ thông tin tuyên truyền về nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

**Chỉ tiêu 8.4 -** *Xã* c*ó ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành:* 03/03 xã đáp ứng được các điều kiện về cơ sở vật chất và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành theo quy định, có 100% cán bộ, công chức có máy tính và sử dụng thành thạo các phần mềm quản lý, có sử dụng 04 phần mềm theo yêu cầu (phần mềm văn phòng điện tử e-office, egov, thư công vụ (mail tayninh.gov.vn), Một cửa điện tử (motcua.tayninh.gov.vn), Cổng thông tin điện tử. Ngoài ra, các xã còn sử dụng phần mềm chuyên ngành thuộc lĩnh vực Tư pháp - Hộ tịch và lĩnh vực Địa chính - Xây dựng - Môi trường.

(*Kết quả đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

**c) Đánh giá**: 03/03 xã đạt, duy trì tiêu chí số 8 - Thông tin và Truyền thông theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**4.2.7. Nhà ở dân cư**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

Chỉ tiêu 9.1 - *Không có Nhà tạm, dột nát.*

Chỉ tiêu 9.2 - *Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố ≥ 90%.*

**b) Kết quả thực hiện**

**Chỉ tiêu 9.1** - *Không có nhà tạm, dột nát:* nhà ở dân cư nông thôn trên địa bàn thành phố Tây Ninh hầu hết đều được chỉnh trang xây dựng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và mức độ thụ hưởng của người dân. Thành phố Tây Ninh đã phát động đến tất cả tầng lớp Nhân dân chỉnh trang, cải tạo, nâng cấp nhà ở và các công trình phụ trợ đảm bảo theo quy định. Đồng thời vận động và thực hiện có hiệu quả việc lồng ghép các chương trình về xây dựng nhà ở đại đoàn kết, nhà tình nghĩa, xây dựng nhà ở chính sách, kêu gọi sự ủng hộ từ các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm để hỗ trợ các hộ nghèo, người có công với cách mạng. Kết quả: 03/03 xã không còn nhà tạm, nhà dột nát.

**Chỉ tiêu 9.2** - *Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố:* trên địa bàn 03 xã có 100% căn nhà kiên cố hoặc bán kiên cố đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng; kiến trúc nhà ở dân cư tại các xã phù hợp với phong tục tập quán sinh hoạt của Nhân dân; các khu dân cư đã được chỉnh trang, đảm bảo xanh, sạch; khuôn viên các hộ gia đình sắp xếp gọn gàng, công trình phụ trợ phù hợp.

(*Kết quả đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

**c)** **Đánh giá:** 03/03 xã đạt, duy trì tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**4.3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân, giảm nghèo**

**4.3.1. Về nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản**

Trong những năm qua, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố tiếp tục phát triển theo đúng định hướng, sản xuất theo quy mô hàng hóa, giá trị sản xuất nông lâm thủy sản giai đoạn 2020-2025 đạt 4.473,99 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân là 1,5%. Một số kết quả như sau:

- Về nông nghiệp: thực hiện Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp, từng bước áp dụng các mô hình VietGAP, GlobalGAP, hướng tới nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao[[1]](#footnote-1). Xây dựng kế hoạch sản xuất mùa vụ hợp lý, bố trí diện tích và cơ cấu cây trồng, thời vụ gieo trồng phù hợp với năng lực; vận động nông dân chủ động, tích cực thực hiện tốt việc chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cây trồng, vật nuôi theo hướng tăng năng suất, chất lượng; ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất được chú trọng đẩy mạnh. Bên cạnh đó, trên địa bàn thành phố Tây Ninh có Hợp tác xã Nông nghiệp Mãng cầu Thạnh Tân được sử dụng chỉ dẫn địa lý “ Bà Đen” cho sản phẩm quả mãng cầu; 04 cơ sở đăng ký bảo hộ giống cây trồng thực hiện truy xuất nguồn gốc được tỉnh cấp Giấy xác nhận vùng trồng sản phẩm chủ lực (tinh bột mì, quả mãng cầu)[[2]](#footnote-2). Tình hình dịch hại ở mức độ nhẹ không ảnh hưởng đến năng suất cây trồng; giá trị sản phẩm thu được trên 1 ha đất trồng trọt hàng năm tăng lên, năm 2020 đạt 138,57 triệu đồng/ha đến năm 2024 đạt 141 triệu đồng/ha.

- Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP): thành phố Tây Ninh có 19 sản phẩm OCOP (05 sản phẩm đạt hạng 04 sao và 14 sản phẩm đạt hạng 03 sao) còn thời hạn; 02 điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP. Ngoài ra, thành phố Tây Ninh thường xuyên thông tin đến các chủ thể sản phẩm OCOP tham gia các Lễ, Hội, sự kiện trong và ngoài tỉnh góp phần tôn vinh các sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực đặc trưng, tiêu biểu của tỉnh.

- Về chăn nuôi: tổng số cơ sở chăn nuôi của thành phố Tây Ninh là 1.745 cơ sở, trong đó: 1.734 hộ chăn nuôi nông hộ, 11 hộ chăn nuôi trang trại[[3]](#footnote-3). Các trang trại chăn nuôi áp dụng công nghệ cao, xử lý, kiểm soát và sử dụng có hiệu quả chất thải chăn nuôi, khẳng định hướng phát triển lâu dài và ổn định. Năm 2024, quy mô đàn gia súc, gia cầm như sau: Tổng đàn bò 2.038 con, giảm 52,7% so với năm 2020 (4.270 con); tổng đàn heo 2.331 con, giảm 85,6% so với năm 2020 (16.215 con); tổng đàn gia cầm 78.311 con, giảm 64,5% so với năm 2020 (220.900 con).

Chăn nuôi gia súc, gia cầm có chiều hướng giảm do tốc độ của đô thị hóa. Hình thức chăn nuôi nhỏ lẻ dần được thay thế, hình thành khu vực chuyển đổi chăn nuôi tập trung.

- Ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp: hoạt động khoa học và công nghệ có nhiều chuyển biến, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống góp phần bảo vệ môi trường, tạo việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống Nhân dân. Trong giai đoạn 2020 -2025, đã đưa vào ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp (phương pháp thuỷ canh; thủy canh hồi lưu; tưới tiết kiệm nước; tưới nhỏ giọt; công nghệ nhà màn, nhà kính); tổ chức hội thảo về giải pháp, triển khai mô hình dây chuyền công nghệ chậm chín thông qua quy trình thu hoạch, sơ chế và bảo quản trái mãng cầu ta tại Tây Ninh.

**4.3.2. Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ**

Công nghiệp:tại 03 xã trên địa bàn thành phố Tây Ninh tập trung chủ yếu là các cơ sở, doanh nghiệp sản xuất, chế biến tinh bột mì, mía, hạt điều đã giải quyết việc làm cho trên 1.000 lao động.

Tiểu thủ công nghiệp: có khoảng 1.700 hộ có cơ sở, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh với 2.972 lao động tham gia các ngành nghề nông thôn như: nghề chằm nón lá, nghề gò nhôm, nghề mộc gia dụng, nuôi trồng sinh vật cảnh, nuôi cá cảnh, trồng hoa lan, cây kiểng, làm đồ vật lưu niệm, may mặc, chế biến nông sản, chế biến thực phẩm; sửa chữa, gia công cơ khí,...

Ngành nghề, dịch vụ: khu du lịch Núi Bà Đen thu hút khách du lịch đến tham quan đạt trên 5,5 triệu khách/năm. Trên địa bàn thành phố Tây Ninh có 03 siêu thị, 01 trung tâm thương mại khách sạn 5 sao, 16 cửa hàng tiện ích, 02 chợ hạng 2 và 08 chợ hạng 03, trong đó 03 chợ truyền thống ở 03 xã được đầu tư nâng cấp, nhìn chung về cơ bản đáp ứng được nhu cầu mua sắm của người dân.

**4.3.3. Thu nhập bình quân và tỷ lệ hộ nghèo**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Thu nhập bình quân 68 triệu đồng/người/năm (2024).*

*Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025 < 0,5%.*

**b) Kết quả thực hiện**

**Chỉ tiêu** - *Thu nhập bình quân 68 triệu đồng/người/năm:* thu nhập bình quân một nhân khẩu của hộ dân cư trên địa bàn nông thôn thuộc thành phố Tây Ninh đạt 88,28 triệu đồng/người/năm. Thành phố Tây Ninh là địa phương có thu nhập bình quân đầu người tương đối cao so với các huyện, thị xã trong tỉnh. Thu nhập của các xã đạt chuẩn nông thôn mới, đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo.

**Chỉ tiêu** *- Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025:* thành phố Tây Ninh luôn quan tâm triển khai thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề nông thôn, giúp cho các hộ nghèo có việc làm, nâng cao thu nhập, song song đó, vận động các nguồn lực từ xã hội chăm lo cho đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo chuẩn Trung ương. Đến cuối năm 2024, theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025, trên địa bàn thành phố Tây Ninh không còn hộ nghèo chuẩn Trung ương. Riêng đối với 03 xã không có hộ nghèo chuẩn Trung ương, chỉ còn 04 hộ cận nghèo đa chiều, 21 hộ nghèo chuẩn tỉnh.

(*Kết quả đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

Đánh giá: 03/03 xã đạt, duy trì tiêu chí số 10 - Thu nhập; tiêu chí số 11 - Nghèo đa chiều theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**4.3.4. Về lao động**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 12.1 - Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ≥ 80%.*

*Chỉ tiêu 12.2 - Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ≥ 30%.*

**b)****Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 12.1****- Tỷ lệ lao động qua đào tạo*: trên địa bàn 3 xã có 16.129 lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc ở trong và ngoài địa bàn, số lao động qua đào tạo là 13.799/16.129 người, đạt 85,55%.

***Chỉ tiêu 12.2*** *- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ:* trên địa bàn 3 xã có số lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) 6.349/16.129 người, đạt 39,36%.

(*Kết quả đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 03/03 xã đạt, duy trì tiêu chí số 12 - Lao động theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**4.3.5. Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 13.1 - Có ít nhất 01 hợp tác xã thành lập theo Luật Hợp tác xã 2012 hoạt động hiệu quả và được nhân rộng.*

*Chỉ tiêu 13.2 - Thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi gắn với tiêu thụ nông sản.*

*Chỉ tiêu 13.3 - Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương.*

*Chỉ tiêu 13.4 - Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường.*

*Chỉ tiêu 13.5 - Có Tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả.*

**b*)* Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 13.1*** *- Có ít nhất 01 hợp tác xã thành lập theo Luật Hợp tác xã 2012 hoạt động hiệu quả và được nhân rộng*

Toàn thành phố Tây Ninh có 07 hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả, có ứng dụng công nghệ trong sản xuất, mở rộng thị trường kinh doanh, đặc biệt là hợp tác xã (HTX) đã chủ động liên kết trong sản xuất, tích cực tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, tăng thu nhập cho các thành viên, trong đó tại 03 xã có 03 HTX hoạt động theo Luật HTX năm 2023 trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ nông nghiệp; chế biến hàng nông sản; sản xuất, kinh doanh quả mãng cầu, sâm bố chính. Các HTX hoạt động hiệu quả, góp phần tạo việc làm cho xã viên, hoạt động sản xuất, kinh doanh từ khi thành lập đều có lãi và đang được mở rộng trồng đến một số nơi khác trên địa bàn tỉnh*.*

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 13.2* -** *Thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi gắn với tiêu thụ nông sản:* 03 xã trên địa bàn đều có HTX thực hiện liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, cụ thể:

+ Xã Bình Minh có Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Bình Minh có hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nuôi gà ta với HTX dịch vụ Nông nghiệp Châu Thành và Phòng khám thú y Tây Ninh để cung cấp thức ăn, thuốc tiêm chủng và tiêu thụ sản phẩm gà ta thả vườn cho thành viên.

+ Xã Thạnh Tân có Hợp tác xã Nông nghiệp Mãng cầu Thạnh Tân ký hợp đồng liên kết sản xuất với các thành viên, với các hộ dân trồng mãng cầu; hợp đồng thương mại và dịch vụ với Liên hiệp HTX thương mại thành phố Hồ Chí Minh (Saigon co.op) và hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán hàng hoá với Công ty quản lý và kinh doanh chợ Bình Điền tiêu thụ quả mãng cầu cho nông dân.

+ Xã Tân Bình có Hợp tác xã Dịch vụ Nông dược Bà Đen Farm có ký hợp đồng liên kết với nông dân trồng Sâm Bố Chính từ khâu trồng đến tiêu thụ… Từ đó, hỗ trợ cho xã viên trong khâu kỹ thuật sản xuất cũng như đảm bảo sản phẩm sản xuất đầu ra, được thu mua với giá ổn định; đồng thời liên kết với Công ty Bà Đen Farm và các đại lý phân phối để mua bán sản phẩm của HTX.

***Chỉ tiêu 13.3*** *- Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương:* trên địa bàn thành phố Tây Ninh có sản phẩm chủ lực là quả mãng cầu, tinh bột mì đã áp dụng chuyển đổi số thực hiện truy xuất nguồn gốc, mã số vùng trồng và đạt tiêu chuẩn VietGAP; có hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm với HTX trên địa bàn. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 13.4*** *- Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển  
làng nghề, làng nghề truyền thống gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường:* trên  
địa bàn 03 xã của thành phố Tây Ninh hiện nay không có làng nghề hoặc làng nghề truyền thống.

***Chỉ tiêu 13.5*** *- Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả*

UBND các xã: Bình Minh, Thạnh Tân, Tân Bình đã thành lập tổ khuyến nông cộng đồng và đã triển khai thực hiện và hoạt động hiệu quả đạt 06/10 nội dung. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

Từ khi tổ khuyến nông cộng đồng được thành lập, các thành viên tích cực, chủ động học hỏi, nâng cao kiến thức về sản xuất để hướng dẫn, hỗ trợ người dân xây dựng, phát triển các mô hình kinh tế; thường xuyên quan tâm, theo dõi tình hình sản xuất trên địa bàn, kịp thời hỗ trợ, tư vấn, giải đáp thắc mắc cho nông dân.

**c) Đánh giá:** 03/03 xã đạt, duy trì tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**4.4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường**

**4.4.1. Về giáo dục và đào tạo**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 14.1 - Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi (đạt); đạt phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, trẻ 6 tuổi vào lớp 1* ≥ 98%*; phổ cập giáo dục THCS mức độ 2; đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; Trung tâm học tập cộng đồng loại tốt.*

*Chỉ tiêu 14.2 - Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)* ≥ 90%.

**b)** **Kết quả thực hiện:**

***Chỉ tiêu 14.1*** *- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; đạt phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, trẻ 6 tuổi vào lớp 1; phổ cập giáo dục THCS mức độ 2; đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; Trung tâm học tập cộng đồng loại tốt:* 03/03 xã đã hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, xóa mù chữ, cụ thể như sau:

- Phổ cập mầm non trẻ 5 tuổi: năm học (2023-2024) trẻ 5 tuổi trên địa bàn 03 xã ra lớp đạt 100% (374/374 trẻ).

- Đạt phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3.

- Trẻ em 6 tuổi vào lớp 1: 380/380 trẻ, đạt 100%.

- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2;

- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2;

- Cộng đồng học tập hàng năm được đánh giá xếp loại Tốt.

*(Kết quả đánh giá tại Phụ luc I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 14.2*** *– Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) đạt từ 90% trở lên:* có 1.051/1.088 học sinh đã tốt nghiệp THCS vào học THPT, bổ túc THPT và Trường Dạy nghề, đạt tỷ lệ 96,6%*.*

*(Kết quả đánh giá tại Phụ luc I kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 03/03 xã đạt, duy trì tiêu chí số 14 - Giáo dục và đào tạo theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**4.4.2. Về Y tế**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 15.1 - Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ), đạt ≥ 90%.*

*Chỉ tiêu 15.2 - Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.*

*Chỉ tiêu 15.3 - Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) ≤ 14.5%.*

*Chỉ tiêu 15.4 - Xã triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử.*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 15.1*** *- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ):* theo số liệu cung cấp của Bảo hiểm xã hội tỉnh đến tháng 31/7/2024, tổng số người tham gia bảo hiểm y tế ở 03 xã là 24.351/25.840 người, đạt 94,24%.

***Chỉ tiêu 15.2*** *- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế:* trên địa bàn thành phố Tây Ninh có 01 Trung tâm Y tế Thành phố, 03 Trạm y tế xã, 07 trạm Y tế phường, 01 bệnh viện đa khoa tư nhân Lê Ngọc Tùng, 01 Bệnh viện Y học Cổ truyền; 01 Bệnh viện Phục hồi chức năng; 01 Trung tâm Kiểm soát bệnh tật; 01 Trung tâm Y tế Quân dân y; 01 Trường Trung học Y tế Tây Ninh; 01 Chi cục Vệ sinh an toàn thực phẩm; 01 Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, Mỹ phẩm,Thực phẩm Tây Ninh; 298 cơ sở y tế tư nhân và các Trung tâm Tiêm chủng tư nhân.Các cơ sở y tế hoạt động theo đúng quy định của Bộ Y tế, đáp ứng yêu cầu chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân. Đã triển khai thực hiện tốt công tác truyền thông giáo dục sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, công tác y tế dự phòng, vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, các dự án và chương trình mục tiêu quốc gia về y tế; chất lượng chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình được nâng cao, các mô hình, đề án nâng cao chất lượng dân số được triển khai thực hiện hiệu quả. 100% số xã đạt chuẩn Bộ tiêu chí quốc gia về y tế.

Các Trạm Y tế xã, phường được đầu tư xây dựng, nâng cấp về cơ sở vật chất, có đủ phòng chức năng, trang thiết bị, dụng cụ và cơ số thuốc tương đối đáp ứng được nhu cầu khám và chữa bệnh Bảo hiểm y tế, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Trạm y tế 03 xã được công nhận đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

***Chỉ tiêu 15.3*** *- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy sinh dưỡng thể thấp còi* *(chiều cao theo tuổi)* của 03 xã năm 2024 là 155 trẻ/1.425 tổng trẻ, chiếm 10,87% *(so năm 2020 giảm 2,1%)*. *(Kết quả đánh giá tại Phụ luc I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 15.4*** *-**Xã triển khai thực hiện sổ sức khoẻ điện tử: 0*3/03 xã đã có các văn bản theo thẩm quyền triển khai thực hiện; các trạm y tế đã chuẩn bị đủ về cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, máy vi tính có kết nối mạng Internet, cài đặt, ứng dụng phần mềm thực hiện khám chữa bệnh từ xa; đào tạo cho nhân viên y tế sử dụng thành thạo các phần mềm; có phần mềm (VNPT) kết nối với BHXH tỉnh và phần mềm kết nối với Công an tỉnh (đang triển khai thí điểm tích hợp trên VNeID).

**c) Đánh giá:** 03/03 xã đạt, duy trì tiêu chí số 15 - Y tế theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**4.4.3. Về Văn hoá**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Tỷ lệ ấp đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, ấp văn hóa > 70%; gia đình văn hóa > 80%.*

**b) Kết quả thực hiện**

*- Ấp văn hóa*: trên địa bàn 03 xã có 14/14 ấp đã được công nhận danh hiệu ấp văn hóa theo quy định, đạt 100%; 03/03 xã được công nhận danh hiệu "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới", đạt 100%. Các hoạt động văn hóa-thông tin, tuyên truyền có nhiều đổi mới, đa dạng về hình thức, chất lượng không ngừng được nâng cao, công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở được gắn với nội dung chương trình xây dựng nông thôn mới, triển khai đến từng xã, từng ấp, từng hộ gia đình bằng nhiều hình thức; 100% các ấp đã tiến hành điều chỉnh hương ước, quy ước, bổ sung các thiết chế văn hóa tại Nhà Văn hóa các ấp. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được đẩy mạnh và mang lại hiệu quả thiết thực.

*- Gia đình văn hóa:* tỷ lệ gia đình văn hóa trên địa bàn 03 xã đạt 92,62%.

(*Kết quả đánh giá tại Phụ luc I kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 03/03 xã đạt, duy trì tiêu chí số 16 - Văn hoá theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**4.4.4. Môi trường và an toàn thực phẩm**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu* *17.1 - Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ≥ 55%.*

*Chỉ tiêu 17.2 - Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường*.

*Chỉ tiêu* 17.3 **-** *Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung (đạt).*

*Chỉ tiêu* *17.4 - Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn ≥ 2 m2/người.*

*Chỉ tiêu* *17.5 - Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.*

*Chỉ tiêu* *17.6 - Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định (đạt trên 90%).*

*Chỉ tiêu* *17.7 - Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường (100%)*.

*Chỉ tiêu* *17.8 - Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch ≥ 90%.*

*Chỉ tiêu* *17.9 - Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường ≥ 80%.*

*Chỉ tiêu* *17.10 - Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: đạt 100%.*

*Chỉ tiêu* *17.11 - Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn**≥30%.*

*Chỉ tiêu* *17.12 - Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định (≥65%).*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 17.1*** *- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ≥ 55%:* tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn tại 03 xã Bình Minh, Thạnh Tân, Tân Bình của thành phố Tây Ninh đạt 75,9% (5.313 hộ /7.003 hộ). *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 17.2*** *- Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường:* trên địa bàn 03 xã có 229 cơ sở sản xuất - kinh doanh, trong đó: có 58/58 cơ sở thuộc diện phải lập hồ sơ môi trường đạt 100% (08 cơ sở UBND tỉnh cấp, 50 cơ sở UBND thành phố Tây Ninh cấp); còn 171 cơ sở không thuộc trường hợp phải lập hồ sơ, UBND các xã phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, tiến hành kiểm tra các cơ sở đang hoạt động ổn định và thực hiện đúng theo hồ sơ môi trường đã được xác nhận, cấp phép và phê duyệt. Tất cả các cơ sở có xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải đúng quy định; không có cơ sở nào bị khiếu nại hoặc phản ánh từ người dân sung quanh; 03/03 xã không có cơ sở nuôi trồng thủy sản, không có làng nghề. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 17.3* -** *Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung*

*- Về thành lập tổ tự quản bảo vệ môi trường:* UBND 03xã thành lập Tổ tự quản bảo vệ môi trường tại 14/14 ấp và có quy ước khu dân cư cộng đồng về bảo vệ môi trường.

*- Đối với hệ thống cây xanh:* diện tích cây xanh trên địa bàn 03 xã là 71.465 m2/ 25.322 người, đạt 2,82 m2/người.Số hộ gia đình có diện tích trồng cây xanh thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh đạt 5.780 hộ/6.998 hộ, đạt 83%.

*- Đối với hệ thống ao, hồ, sinh thái:* trên địa bàn xã không có ao, hồ, sinh thái.

*- Đối với đường làng, ngõ xóm:* kế hoạch bêtông hóa, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường nội bộ trong xã đã đạt được: đường trục xã: tổng số tuyến là 12 tuyến, tổng chiều dài khoảng 37,93 km; đường trục ấp: tổng số tuyến là 59 tuyến, tổng chiều dài khoảng 38,88 km; đường trục xóm: tổng số tuyến là 84 tuyến, tổng chiều dài khoảng 23,59 km; đường trục chính nội đồng: tổng số tuyến là 80 tuyến, tổng chiều dài khoảng 76,4 km.

*- Đối với khu vực công cộng:* UBND 03 xã vận động người dân dọc các tuyến giao thông ủng hộ tiền, đất và công sức thường xuyên làm vệ sinh khu vực ven đường (phần trước nhà mình) như phát quang bụi rậm, dọn cỏ, khai thông cống rãnh thoát nước, không xả và đốt rác tại ven đường giao thông, cải tạo vườn tạp, chỉnh trang hàng rào, cổng ngõ đắp đường không để xảy ra tình trạng lầy lội…

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 17.4*** *- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn ≥2 m2/người:* đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn tại 03 xã được trồng phân bố trên các đường liên ấp và các đường nội đồng, đạt bình quân 4,0m2/người. (*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 17.5* -** *Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch:* trên địa bàn 03 xã có 04 nghĩa trang được quy hoạch gắn với quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới. Xã Bình Minh có nghĩa trang tại ấp Bình Trung; xã Thạnh Tân có 02 nghĩa trang tại ấp Thạnh Trung và ấp Thạnh Đông; xãTân Bình có 01 nghĩa trang tại ấp Tân Phước; đối với trường hợp hỏa táng thì đến nghĩa trang Sơn Trang Tiên Cảnh thuộc ấp Trường Thọ, xã Trường Hòa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (cơ sở hỏa táng phù hợp quy hoạch) và thực hiện theo quy định tại Thông tư số 21/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Y tế quy định về vệ sinh trong mai táng, hỏa táng. Xã có ban hành quy chế quản lý, sử dụng nghĩa trang; quy định về thời gian mai táng hình thức mai táng đã được mọi người đồng tình thống nhất thực hiện theo quy ước khu dân cư hàng năm đề ra, vệ sinh môi trường sau mai táng, trồng cây xanh xung quanh nghĩa trang.

***Chỉ tiêu 17.6*** - *Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định*

Các xã đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động người dân phân loại chất thải rắn (CTR). Các hộ dân ký hợp đồng với Công ty Cổ phần công trình đô thị Tây Ninh thu gom chất thải rắn, tần suất thu gom: 03 lần/tuần, bằng xe thu gom chuyên dụng. Riêng các tuyến đường 4m - 6m, định kỳ vào các buổi sáng thứ 2, thứ 4, thứ 6 và chủ nhật sẽ có nhân viên thu gom. Ráccông nghiệp thông thườngkhông nguy hại, các cơ sở sản xuất, kinh doanh sẽ được thu gom và xử lý đúng quy định; chất thải xây dựng tái sử dụng, tráng nền, san lấp mặt bằng,...; phụ phẩm nông nghiệp phát sinh (như rơm, rạ, tro, trấu, vỏ, củ, quả,…) của mỗi hộ dân phát sinh trong quá trình trồng trọt sẽ tự thu gom, phân loại bán cho các đơn vị thu mua trong khu vực, phần còn lại người dân tận dụng làm phân xanh cho đất nông nghiệp, không thải bỏ. Tổng CTR sinh hoạt được thu gom và xử lý của 03 xã: 12.567/12.782 tấn/ngày, đạt 98,32%. Tổng CTR không nguy hại được thu gom và xử lý 100.949 tấn/năm/102.186 tấn/năm, đạt 98,79%. (*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 17.7* -** *Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường*

- Đối với bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng*,* các xã phối hợp ngành chuyên môn và các tổ chức chính trị - xã hội, hàng năm có 02 đợt tổ chức thu gom, xử lý; lắp các cống đường kính 0,5m3 chứa vỏ, bao thuốc bảo vệ thực vật, có trang bị đáy, nắp đậy kín đáo và gắn biển báo chất thải nguy hại, số lượng vỏ, chai thuốc bảo vệ thực vật phát sinh được thu gom và xử lý theo đúng quy định đạt 100%.

-Đối với chất thải rắn y tế: thực hiện theo Kế hoạch số 13/KH-TTYT, ngày 05/01/2024 của Trung tâm Y tế thành phố Tây Ninh về quản lý chất thải y tế năm 2024. Các Trạm y tế xã có bố trí nhân lực nhằm đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý, xử lý chất thải rắn y tế theo quy định; duy trì tốt hệ thống phân loại, thu gom, vận chuyển, lưu giữ an toàn; 100% nhân viên y tế thực hiện đúng quy trình quản lý chất thải y tế; đảm bảo an toàn cho nhân viên khi thực hiện công tác quản lý chất thải y tế; chất thải y tế thông thường được phân loại, thu gom riêng biệt với chất thải y tế nguy hại; chất thải y tế nguy hại được phân loại, thu gom riêng biệt với CTR công nghiệp thông thường và CTR sinh hoạt trước khi đưa vào khu vực lưu giữ tại cơ sở phát sinh theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải y tế; 100% khối lượng phát sinh được thu gom, xử lý; các phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại; công trình xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đáp ứng yêu cầu theo quy định.

(*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 17.8* -** *Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch:* có 7.068/7.068 hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch, đạt 100%, tăng 1.869 hộ so với năm 2016.

(*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 17.9* -** *Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường ≥ 80%:* trên địa bàn 03xã có 498 cơ sở, hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm (06 cơ sở chăn nuôi trang trại, 492 hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô nông hộ). Qua kiểm tra, đánh giá có 491/498 cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường, đạt 98,6%.

(*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 17.10*** - *Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm:* hằng năm UBND thành phố Tây Ninh ban hành kế hoạch và triển khai thực hiện đến các phường, xã; phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể triển khai ký cam kết đến 100% chủ cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm trên địa bàn các xã. Các cơ sở chấp hành tốt các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm. Hiện các xã đang triển khai xây dựng xã an toàn thực phẩm theo tiêu chí của tỉnh Tây Ninh.

(*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 17.11*** *- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn**≥30%:* Các xã đãtriển khai hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định, trong đó UBND xã hướng dẫn cụ thể việc phân loại thông qua tuyên truyền, vận động hoặc đưa vào quy ước, hương ước của địa phương.

Số hộ dân thực hiện phân loại rác tại nguồn trên địa bàn 03 xã là 3.272/6.998 hộ, đạt tỷ lệ 47%.

(*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

***Chỉ tiêu* *17.12***- *Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định (≥65%)*:từ kết quả tuyên truyền, hướng dẫn, vận động hộ dân thực hiện phân rác tại nguồn, các xã có tỷ lệ chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý đạt 84% *(5.908 kg/6998 kg).*

(*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

**c) Đánh giá**: 03/03 xã đạt, duy trì tiêu chí số 17- Môi trường và an toàn thực phẩm theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**4.5. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và gìn giữ an ninh, trật tự xã hội**

**4.5.1. Về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 18.1 - Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.*

*Chỉ tiêu 18.2 - Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.*

*Chỉ tiêu 18.3 - Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên 100%.*

*Chỉ tiêu 18.4 - Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.*

*Chỉ tiêu 18.5 - Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội.*

*Chỉ tiêu 18.6 - Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển ấp.*

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

***Chỉ tiêu 18.1*** *- Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn:* tổng số cán bộ, công chức 03 xã là 48/48 người đạt chuẩn theo quy định.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 18.2*** *-*Đảng bộ, chính quyền 03 xã được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 18.3***- *Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên:* 05/05 tổ chức chính trị - xã hội của 03 xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt 100%.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 18.4*** *- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định:* 03/03 xã ban hành đầy đủ văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP, trong đó: ban hành 03 văn bản quy phạm pháp luật; 1.765/1.765 văn bản hành chính đúng quy định pháp luật, đạt tỷ lệ 100%.

Niêm yết, công khai các thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin và thực hiện dân chủ các nội dung: Kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất, Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội hàng năm; Kế hoạch bầu cử; công khai ngân sách…

Công tác cung cấp thông tin được UBND xã quan tâm thực hiện; có mở sổ theo dõi việc cung cấp thông tin, có mẫu yêu cầu cung cấp thông tin; UBND xã ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng nhu cầu thực tế tại địa phương, đảm bảo nội dung theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên.

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở được quan tâm, chú trọng; các văn bản pháp luật, chính sách mới ban hành được tuyên truyền, phổ biến kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú; các tổ hòa giải ở cơ sở thường xuyên được củng cố đạt tỷ lệ 100%; công tác bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho hòa giải viên cơ sở được thực hiện hàng năm, tỷ lệ hòa giải thành trung bình đạt 100%. UBND các xã đã rà soát, hướng dẫn, tuyên truyền cho 4.652/4.652 người thuộc diện người được trợ giúp pháp lý về chính sách trợ giúp pháp lý (đạt tỷ lệ 100%); có 02 trường hợp thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý và được Trung tâmTrợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh trợ giúp, đạt tỷ lệ 100%.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 18.5*** *- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội.*

Công tác bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, đời sống xã hội luôn được 03 xã chú trọng và quan tâm; trong công tác cán bộ của các xã có bố trí nữ là cán bộ chủ chốt. Trên địa bàn 03 xã không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, có bố trí một phòng tại Trạm Y tế xã làm nhà tạm lánh cho nạn nhân bị bạo lực giới và bạo lực gia đình tại cộng đồng. Bố trí 01 công chức Lao động, Thương binh và Xã hội xã, kiêm nhiệm làm công tác bảo vệ trẻ em.

Triển khai hiệu quả các chương trình giải quyết việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức đối với đối tượng phụ nữ thuộc hộ nghèo, phụ nữ khuyết tật, nạn nhân bị bạo lực giới, bạo lực gia đình tại cộng đồng. Các trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn các xã được trợ giúp hàng tháng; xã không có trẻ em bị xâm hại.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 18.6*** *- Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển ấp.*

UBND 03 xã đã xây dựng và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, tuyên truyền các chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng nông thôn mới để nâng cao nhận thức trong các ban ngành, đoàn thể, các ấp trên địa bàn xã về mục đích, ý nghĩa, giải pháp xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; phối hợp các phòng, ban chuyên môn tuyên truyền các chuyên đề về chuyển đổi số, mỗi xã một sản phẩm, cải tạo cảnh quan môi trường nông thôn, phát triển du lịch nông thôn…

**c) Đánh giá:** 03/03 xã đạt, duy trì tiêu chí số 18 - Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**4.5.2. Về Quốc phòng và An ninh**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 19.1 - Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng.*

*Chỉ tiêu 19.2- Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,…) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiềm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 19.1*** *- Về Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng:* hằng năm, Ban Chỉ huy Quân sự 03 xã tham mưu cho Đảng ủy xã triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng dân quân tự vệ và các đơn vị liên quan, căn cứ theo các quy định tại Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ và Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23/04/2020 của Bộ Quốc phòng. Các hoạt động này nhằm nâng cao hiệu quả công tác quốc phòng, an ninh, đồng thời đảm bảo tuân thủ các văn bản pháp luật hiện hành. Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về quốc phòng và an ninh cho toàn dân cũng được chú trọng, với kế hoạch cụ thể cho từng đối tượng, bao gồm việc bồi dưỡng kiến thức cho lực lượng dân quân tự vệ và tổ chức giáo dục quốc phòng, an ninh cho học sinh. Các hoạt động này được triển khai theo Đề án số 1720/ĐA-UBND ngày 02/6/2021 của UBND tỉnh và các kế hoạch liên quan của UBND cấp huyện, cấp xã, nhằm xây dựng lực lượng dân quân cơ động, dân quân tự vệ, dân quân tại chỗ và dân quân binh chủng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn 2021-2025.

Công tác tổ chức và quản lý công dân tham gia nghĩa vụ quân sự, dân quân và quân nhân dự bị đã được triển khai đúng quy định của pháp luật. Công tác đăng ký, xét duyệt và kết nạp dân quân mới được thực hiện đầy đủ, bảo đảm chất lượng và đúng thủ tục. Đặc biệt, 100% chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ đã hoàn thành, với chất lượng công dân đảm bảo sức khỏe, trình độ và phẩm chất đạo đức. Công tác huấn luyện, giáo dục chính trị và pháp luật cho cán bộ, chiến sĩ dân quân được tổ chức nghiêm túc, đúng chương trình và thời gian quy định. Tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân đạt yêu cầu, 100% Tiểu đội trưởng dân quân thường trực và Trung đội trưởng dân quân cơ động tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, huấn luyện. Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng, tham gia các hoạt động trên mạng xã hội như "Tôi yêu chiến sĩ sao vuông" và "Yêu người chiến sĩ dân quân tự vệ Việt Nam", góp phần đấu tranh với các thế lực thù địch trên không gian mạng. Công tác chính sách hậu phương quân đội cũng được thực hiện đúng quy định, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh, không để xảy ra khiếu nại, tố cáo.

***Chỉ tiêu 19.2*** *- Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiềm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.*

Hằng năm, Đảng ủy các xã có nghị quyết, UBND xã có kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự; chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác bảo đảm an ninh, trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Lực lượng Công an các xã đã kịp thời tham mưu Đảng ủy, UBND xã ban hành các Nghị quyết, kế hoạch thực hiện công tác đảm bảo an ninh, trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; đã chỉ kịp thời chỉ đạo các ngành, đoàn thể trên địa bàn phối hợp thực hiện công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, công tác đảm bảo an ninh, trật tự và xây dựng nông thôn mới.

Không để xảy ra các hoạt động theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 3, Điều 4, Thông tư số 124/2021/TT-BCA, ngày 28/12/2021 của Bộ Công an quy định khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” như: hoạt động chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; hoạt động phá hoại các mục tiêu, công trình trọng điểm về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng; tuyên truyền, phát triển tín ngưỡng, tôn giáo trái pháp luật; hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc, tranh chấp, khiếu kiện gây phức tạp về an ninh, trật tự; hoạt động ly khai, đòi tự trị.

Trên địa bàn các xã không có tập trung đông người khiếu nại, tố cáo vượt cấp trái pháp luật gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc các tội về xâm hại trẻ em.

Số vụ tội phạm về trật tự xã hội giảm ít nhất 05% so với năm trước, tệ nạn xã hội; tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiềm chế, giảm so với năm trước. Nãm 2024, số vụ tội phạm về trật tự xã hội so với năm 2023 của xã Binh Minh là 02/04 vụ (giảm 50%), xã Thạnh Tân là 04/07 vụ (giảm 42,85%), xã Tân Bình là 05/06 vụ (giảm 16,66%), đạt chỉ tiêu kéo giảm tội phạm ít nhất 05%.

Trên địa bàn xã có các mô hình: “Tổ dân cư tự quản”, “Vận động toàn dân tham gia tổ giác, truy bẳt tội phạm ở địa bàn khu dân cư”, “ Nhóm Zalo tuyên truyền phòng, chống tội phạm”. Các mô hình này được Công an các xã thường xuyên hướng dẫn, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động giúp cho lực lượng Công an làm rõ, xử lý nhiều vụ có liên quan an ninh, trật tự, góp phần đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn.

03 xã không thuộc địa bàn xã phức tạp về trật tự an toàn xã hội theo Quyết định số 8793/QĐ-BCA ngày 26/12/2023 của Bộ Công an về ban hành tiêu chí xác định địa bàn phức tạp về tội phạm xâm phạm trật tự xã hội.

Đến thời điểm hiện tại lực lượng Công an 03 xã không có cán bộ chiến sĩ vi phạm bị xử lý kỷ luật, nội bộ đoàn kết, các chỉ tiêu được giao đều đảm bảo, cơ bản đủ điều kiện đánh giá, xếp loại “Đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

**c) Đánh giá:** 03/03 xã đạt, duy trì tiêu chí số 19 - Quốc phòng và An ninh- theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**5. Về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao ở các xã**

Thành phố Tây Ninh có 03/03 xã (Bình Minh; Thạnh Tân; Tân Bình) đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao, đạt tỷ lệ 100%). Qua thẩm tra, rà soát, đến nay có 03/03 xã duy trì đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao theo Quyết định số 318/QĐ-TTg, Quyết định số 211/QĐ-TTg; Quyết định số 2180/QĐ-UBND, Quyết định số 1622/QĐ-UBND, cụ thể như sau:

**5.1. Về quy hoạch**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 1.1-**Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.*

*Chỉ tiêu 1.2**- Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.*

*Chỉ tiêu 1.3 - Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 1.1*** *Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch:* 03/03 xã cóquy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố, công khai đúng thời hạn; có kế hoạch tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt; có quy hoạch chung thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đến năm 2045 được phê duyệt tại Quyết định số 1797/QĐ-UBND ngày 26/9/2024 của UBND tỉnh, đảm bảo tiêu chí quy hoạch theo quy định tại Khoản 2 Điều 31 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 1.2*** *- Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch:* 03/03 xã đều có Quy chế quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn phê duyệt tại các Quyết định số: 231/QĐ-UBND ngày 26/12/2022, 1425/QĐ-UBND ngày 14/12/2023, 591/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Tây Ninh. (*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 1.3*** *- Có quy hoạch chi tiết:* 03/03 xãcó quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên và được công bố, công khai đúng thời hạn. (*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

**c) Đánh giá**: 03/03 xã đạt, duy trì tiêu chí số 1 - Quy hoạch theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.2. Giao thông**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 2.1**- Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh… theo quy định) đạt 100% (trong đó tỷ lệ trồng cây xanh đạt tối thiểu 50%).*

*Chỉ tiêu 2.2 - Tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp được cứng hoá và bảo trì hàng năm 100%, có hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh…) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp đạt 100% (trong đó tỷ lệ trồng cây xanh đạt tối thiểu 50%).*

*Chỉ tiêu 2.3 - Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hoá, đảm bảo sáng - xanh – sạch – đẹp đạt ≥ 95%.*

*Chỉ tiêu 2.4 - Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hoá đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hoá đạt 100% (trong đó tỷ lệ cứng hoá tối thiểu đạt 60%).*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 2.1*** *-**Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết:* có 22/22 tuyến, dài 42,93 km trên địa bàn 03 xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh… theo quy định). Trong đó: 17/22 tuyến đường xã (36,99/42,93 km) được trồng cây xanh đúng theo quy định, đạt 86,2%. (*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 2.2*** *- Tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp được cứng hoá và bảo trì hàng năm 100%, có hạng mục cần thiết theo quy định:* có59/59 tuyến dài 38,88 km trên địa bàn 03 xã được cứng hoá và bảo trì hàng năm; có hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh…) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp. Trong đó: 33/59 tuyến (23,67/38,88 km) được trồng cây xanh, đạt 60,9%. (*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 2.3*** *- Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hoá, đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp:* có 81 tuyến, dài 21,2 km trên địa bàn 03 xã được cứng hoá, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, đạt tỷ lệ 100%. (*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 2.4*** *- Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hoá đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hoá:* có 80 tuyến, dài 76,4 km trên địa bàn 03 xã được cứng hoá đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hoá, đạt tỷ lệ 100%. (*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 03/03 xã đạt, duy trì tiêu chí số 2 - Giao thông theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.3. Thủy lợi và phòng, chống thiên tai**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 3.1 - Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt ≥ 90%.*

*Chỉ tiêu 3.2**- Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững.*

*Chỉ tiêu 3.3 - Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước theo quy định* (*≥ 40%).*

*Chỉ tiêu 3.4 - Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm theo quy định.*

*Chỉ tiêu 3.5 - Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi.*

*Chỉ tiêu 3.6**- Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ đạt loại khá (đáp ứng yêu cầu theo quy định, kết quả chấm điểm đạt từ 70 điểm đến 85 điểm).*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 3.1*** *- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động:* 03 xã códiện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động: 2.208,24/2.245,85 ha, đạt 98,33%; diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tiêu nước chủ động: 2.499,86/2.530,87 ha, đạt 98,77%; trên địa bàn 03 xã có 26,32 ha/26,32 ha diện tích nuôi trồng thủy sản, đạt tỷ lệ 100%. *(Kết quả đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 3.2*** *- Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững:* có 01 Tổ thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững trên địa bàn xã Bình Minh, Tân Bình; xã Thạnh Tân là xã nằm ngoài vùng tưới nên không có Tổ thủy lợi cơ sở. (*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 3.3*** *- Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước:* hiện nay trên địa bàn 03 xã nâng cao có 02 loại cây trồng chủ lực (cây mì và cây mãng cầu ta); diện tích trồng chủ lực được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: 1.998,73/2.098,56 ha, đạt 95,2%.*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 3.4*** *- Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm:* hàng năm các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng trên địa bàn đều được tổ chức kiểm tra, đánh giá và thực hiện công tác bảo trì, sửa chữa theo quy định. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo).*

***Chỉ tiêu 3.5*** *- Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi:* công trình thủy lợi trên địa bàn các xã do UBND xã quản lý, xung quanh các công trình thủy lợi không có các cơ sở sản xuất kinh doanh nên không phát sinh nguồn nước thải từ sinh hoạt, chăn nuôi, các hoạt động kinh doanh cũng như nuôi trồng thủy hải sản vào công trình thủy lợi. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 3.6*** *- Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ:* các hoạt động phòng chống thiên tai được triển khai theo phương châm 4 tại chỗ; kiện toàn, phân công nhiệm vụ thành viên Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp xã; tổ chức tập huấn, thông tin, tuyền thông cho lực lượng thực hiện công tác phòng, chống thiên tai, Nhân dân khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai; rà soát, ban hành kịp thời kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 5 năm, phương án ứng phó thiên tai; xác định vùng có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai để chuẩn bị nhân lực, trang thiết bị; lồng ghép nội dung đảm bảo an toàn phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng; kiểm tra, xử lý vi phạm về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***c) Đánh giá:*** 03/03 xã đạt, duy trì tiêu chí số 03 - Thủy lợi và phòng chống thiên tai theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.4. Điện**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định (100%).*

**b) Kết quả thực hiện**

Hệ thống điện trên địa bàn 03 xã được ngành điện thường xuyên kiểm tra, rà soát, thực hiện đầu tư cải tạo và nâng cấp. Tỷ lệ các hộ dân sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ nguồn đạt 100% (6.998 hộ/6.998 hộ) đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của người dân. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 03/03 xã đạt, duy trì tiêu chí số 04 - Điện theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.5. Giáo dục**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 5.1 - Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.*

*Chỉ tiêu 5.2 - Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi.*

*Chỉ tiêu 5.3 - Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS (mức độ 3).*

*Chỉ tiêu 5.4 - Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.*

*Chỉ tiêu 5.5 - Cộng đồng học tập được đánh giá xếp loại Tốt.*

*Chỉ tiêu 5.6 - Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỷ năng, sức bền.*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 5.1*** *- Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2:* trên địa bàn 03 xãcó 11/11 trường học (100%) được công nhận đạt chuẩn quốc gia cơ sở vật chất mức độ 2, trong đó có 3/11 trường đạt chuẩn quốc gia cơ sở vật chất mức độ 2. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 5.2*** *- Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi:* 03/03 xã duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, có 100% trẻ 5 tuổi ra lớp. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 5.3* -** *Đạt chuẩn Phổ cập giáo dục tiểu học:* 03/03 xã đạt phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt chuẩn và duy trì chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 5.4*** *- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2:* 03/03 xã duy trì và đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2, trong độ tuổi 15 - 60 tuổi biết chữ trên địa bàn 03 xã có 16.867/17.017 người, đạt 99,1%).*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 5.5*** *- Cộng đồng học tập được đánh giá xếp loại Tốt:* cộng đồng học tập 03/03 xã hàng năm được đánh giá xếp loại Tốt.

***Chỉ tiêu 5.6* -***Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh*: 100% các trường mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn 03 xã có sân chơi phục vụ rèn luyện thể chất cho trẻ; hàng năm 100% trường học có kế hoạch và triển khai chương trình rèn luyện kỹ năng bơi và phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước cho trẻ em, học sinh. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 03/03 xã đạt, duy trì tiêu chí số 05 - Giáo dục và đào tạo theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.6. Văn hóa**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 6. 1* **-** *Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.*

*Chỉ tiêu 6.2 - Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.*

*Chỉ tiêu 6.3 - Tỷ lệ ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới.*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 6.1* -** *Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên*: trên địa bàn 03 xã có 13/15 điểm công cộng được lắp các dụng cụ luyện tập thể dục thể thao ngoài trời, đạt 86,7%.

Các Câu lạc bộ (CLB) trên địa bàn 03 xã được thường xuyên tổ chức các hoạt động như: CLB Hát với nhau, CLB múa Búp măng xanh, CLB Đờn ca tài tử và có CLB thể thao quần chúng (bóng đá; bóng chuyền; võ thuật Teakwondo; cờ tướng; thể dục dưỡng sinh). Đối với các hoạt động văn hóa, thể thao do thành phố Tây Ninh tổ chức, các xã cử đội thi tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao đảm bảo theo quy định. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 6.2*** *- Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định:* có 03di sản văn hóa (di sản văn hoá phi vật thể Đờn ca tài tử; di sản văn hóa “Căn cứ biệt động Thị xã” (ấp Giồng Cà) được công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh tại Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 23/02/2007 của UBND tỉnh Tây Ninh; Chùa Khơ-Me Khe-Đon - di sản văn hóa vật thể đã được công nhận là Di tích Lịch sử - Văn hoá tại Quyết định số 117/QĐ-CT ngày 29/4/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh. Các di sản trên địa bàn 03 xã được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 6.3* -** *Tỷ lệ ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới:* các ấp đã triển khai thực hiện tốt phong trào xây dựng gia đình văn hóa, ấp văn hóa. Có 14/14 ấp trên địa bàn 03 xã được Chủ tịch UBND thành phố Tây Ninh công nhận và giữ vững danh hiệu ấp văn hóa, đạt 100%; có 6.135/6.606 hộ gia đình đạt danh hiệu Gia đình văn hóa, đạt 92,9%; có Quyết định công nhận, khen thưởng các hộ đạt danh hiệu Gia đình văn hóa 3 năm liên tục (2021-2023), đạt 37,4%. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 03/03 xã đạt, duy trì tiêu chí số 06 - Văn hóa theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.7.** **Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.*

**b) Kết quả thực hiện**

Trên địa bàn 03 xã đã đầu tư xây mới 03 chợ; các chợ đều đảm bảo về mặt bằng, diện tích xây dựng, kết cấu nhà chợ chính và các yêu cầu về bộ phận phụ trợ, kỹ thuật công trình, điều hành quản lý chợ hoạt động. Đồng thời chợ có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm đáp ứng một phần các tiêu chí quy định tại TCVN 11856:2017 Chợ kinh doanh thực phẩm. Hệ thống chợ đã góp phần đảm bảo an sinh xã hội, công việc kinh doanh của các hộ kinh doanh, đồng thời đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi, lưu thông hàng hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 03/03 xã đạt, duy trì tiêu chí số 07 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.8. Thông tin và truyền thông**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 8.1 - Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.*

*Chỉ tiêu 8.2 - Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh ≥ 80%.*

*Chỉ tiêu 8.3 - Có dịch vụ báo chí truyền thông.*

*Chỉ tiêu 8. 4- Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.*

*Chỉ tiêu 8.5 - Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...).*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 8.1*** *- Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân:* 03/03 xã có Bưu điện văn hóa xã phục vụ nhu cầu liên lạc và phục vụ bưu chính, viễn thông cho người dân, điểm phục vụ bưu chính có trang bị máy tính có kết nối internet, nhân viên bưu chính có khả năng phục vụ và hỗ trợ nhu cầu sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân. (*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 8.2*** *- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh ≥ 80%:* dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh 17.980/21.452 người, đạt 83,8%. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 8.3*** *- Có dịch vụ báo chí truyền thông:* 03/03 xã có 3 hệ thống loa truyền có dây phủ rộng đến 14/14 ấp, đảm bảo 100% người dân được tiếp cận thông tin qua các phương tiện thông tin tuyên truyền khác như: Zalo của xã, nhóm Zalo ấp,....; đảm bảo các thông tin, tuyên truyền về chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước được người dân tiếp cận.

- 100% hộ gia đình xem được truyền hình thông qua các phương thức truyền hình: vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet; hệ thống cáp quang bao phủ 14/14 ấp. Trên địa bàn 03 xã có 05 điểm cung cấp xuất bản phẩm: 3 thư viện của xã, 01 cửa hàng Văn phòng phẩm Khánh Linh, 01 Nhà sách Quốc Danh.

***Chỉ tiêu 8.4*** *- Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới*

+ Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của 03 xã đạt 100%.

+ Cán bộ, công chức 03 xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin > 75%.

+ Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt > 79%.

+ 03 xã có 08 sản phẩm OCOP được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử, đạt 100%.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 8.5***- *Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng):* 03 xã đã thiết lập mạng wifi miễn phí tại trụ sở UBND xã, Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Học tập cộng đồng xã, Nhà văn hóa 14/14 ấp phục vụ công tác quản lý, điều hành của xã và phục vụ miễn phí cho người dân. Bên cạnh đó, tại một số cửa hàng kinh doanh ăn, uống trên địa bàn xã có hệ thống mạng wifi phục vụ truy cập miễn phí cho khách hàng, người dân nếu có nhu cầu. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 03/03 xã đạt, duy trì tiêu chí số 08 - Thông tin và Truyền thông theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.9. Nhà ở dân cư**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố ≥ 97%.*

**b) Kết quả thực hiện**

Có 6.746/6.746 căn nhà kiên cố hoặc bán kiên cố trên địa bàn 03 xã, đạt tỷ lệ 100%. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 03/03 xã đạt, duy trì tiêu chí số 9 - Nhà ở theo chuẩn Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.10. Thu nhập**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Đạt 84 triệu đồng/người/năm (năm 2024).*

**b) Kết quả thực hiện**

Qua kết quả điều tra thu nhập bình quân trên địa bàn 03 xã đạt 88,28 triệu đồng/người/năm.*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 03/03 xã đạt, duy trì tiêu chí số 10 - Thu nhập theo chuẩn Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.11.Về nghèo đa chiều**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 dưới 0,3%.*

**b) Kết quả đạt được**

Trên địa bàn 03 xãkhông có hộ nghèo, có 04 hộ cận nghèo đa chiều tỷ lệ 0,056% (04 hộ/7.101hộ).

**c) Đánh giá:** 03/03 xã đạt, duy trì tiêu chí số 11- Nghèo đa chiều theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.12. Về lao động**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 12.1 - Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ≥ 85%.*

*Chỉ tiêu 12.2 - Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ≥ 35%.*

**b) Kết quả đạt được**

***Chỉ tiêu 12.1*** *- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ≥ 85%:* căn cứ kết quả rà soát, thống kê, 03 xã có lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc ở trong và ngoài địa bàn là 16.129 lao động, số lao động qua đào tạo là 13.876 người, đạt 86%. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 12.2*** *- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ≥ 35%:* căn cứ vào kết quả điều tra thu thập dữ liệu lao động, 03 xã có tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) là 6.385/16.129 người, đạt 39,6%. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 03/03 xã đạt, duy trì tiêu chí 12- Lao động theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.13. Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 13.1 - Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định ≥1.*

*Chỉ tiêu 13.2 - Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn.*

*Chỉ tiêu 13.3 - Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.*

*Chỉ tiêu 13.4 - Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã.*

*Chỉ tiêu 13.5 - Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử.*

*Chỉ tiêu 13.6 - Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng.*

*Chỉ tiêu 13.7 - Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.*

*Chỉ tiêu 13.8 - Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường).*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 13.1*** *- Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định ≥ 1:* tại 03 xã có 03 HTX hoạt động theo Luật HTX năm 2023 trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ nông nghiệp; chế biến hàng nông sản; sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông sản. Các HTX hoạt động hiệu quả, có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định, góp phần tạo việc làm cho xã viên, hoạt động sản xuất, kinh doanh từ khi thành lập đến nay đều có lãi. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc I kèm theo)*.

***Chỉ tiêu 13.2*** *- Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn:* trên địa bàn xã Bình Minh và xã Thạnh Tân có 04 sản phẩm OCOP 03 sao còn thời hạn theo các Quyết định số 2762/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt kết quả đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP đợt 2 năm 2022; Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 23/11/2023 của UBND thành phố Tây Ninh phê duyệt kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP thành phố Tây Ninh năm 2023; đã được đưa lên sàn giao dịch thương mại điện tử OCOP của tỉnh. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 13.3*** *- Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm:* trên địa bàn thành phố có 03 mô hình: (1) trồng Khoai mì (sắn) áp dụng cơ giới hóa đồng bộ các khâu, với 20 hộ tham gia, tổng diện tích 57,7 ha; (2) liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm (Hợp tác xã Nông nghiệp Mãng cầu Thạnh Tân có hợp đồng liên kết ổn định qua 02 chu kỳ đối với sản phẩm trái mãng cầu và được sản xuất theo quy trình, chất lượng thống nhất giữa các bên tham gia liên kết. Sản phẩm được công nhận đạt OCOP 3 sao, thực hiện truy xuất nguồn gốc theo mã số vùng trồng và được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm); (3) mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản đối với sản phẩm Sâm Bố Chính của công ty Cổ phần Bà Đen Farm (*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 13.4*** *- Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã:* có 02 sản phẩm chủ lực là quả mãng cầu, tinh bột mì được ứng dụng chuyển đổi số thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm có mã số vùng trồng và đạt theo tiêu chuẩn VietGAP. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 13.5*** *- Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử:* có 06/08 sản phẩm chủ lực được bán qua kênh thương mại điện tử, đạt 75%. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 13.6*** *- Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng:* trên địa bàn 03 xã có 03 đơn vị thực hiện truy xuất và cấp mã số vùng trồng như: Hợp tác xã Nông nghiệp Mãng cầu Thạnh Tân đã thực hiện ứng dụng chuyển đổi số để truy xuất nguồn gốc theo mã số vùng trồng VN 72-703-25471-4-23; cơ sở Nguyễn Văn Dũng trồng cây khoai mì được tỉnh cấp Giấy xác nhận mã số vùng trồng VN-72-703-25477-1-23; Quả mãng cầu của ông Trần Minh Tâm ứng dụng chuyển đổi số truy xuất nguồn gốc có mã số vùng trồng VN 72-703-25474-2-23.*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 13.7*** *- Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội:* 03 xã xây dựng chuyên mục du lịch nhằm giới thiệu, quảng bá các địa điểm du lịch, khu di tích lịch sử - văn hóa của thành phố như: “Căn cứ biệt động Thị xã” tại ấp Giồng Cà, xã Bình Minh; Lễ cúng kỳ Yên Quan lớn Trà Vong Huỳnh Công Giản vào ngày 20, 21 tháng 12 âm lịch hàng năm; tết truyền thống đồng bào dân tộc Khmer tại di tích văn hóa Chùa Khmer Khe Đon; tết cổ truyền đồng bào dân tộc Khmer và Lễ hội Sen Đon Ta *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 13.8*** *-**Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường):* có tổ hợp tác chăn nuôi Bò sinh sản, tổ hợp tác trồng rau an toàn, theo hướng VIETGAP; tổ hội nghề nghiệp Gà ta thả vườn của Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp Bình Minh, do ông Nguyễn Thành Đô làm Giám Đốc, đã tạo việc làm cho người lao động, có phương án xử lý chất thải trong chăn nuôi không gây ô nhiễm môi trường; mô hình sản xuất mãng cầu của Hợp tác xã Nông nghiệp Mãng cầu Thạnh Tân; mô hình trồng Sâm Bố Chính và các sản phẩm từ Sâm. Đây là các mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả, không gây ô nhiễm môi trường; tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm của mô hình và tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 03/03 xã đạt, duy trì tiêu chí số 13- Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn theo chuẩn Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.14. Y tế**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 14.1 - Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ≥ 95%.*

*Chỉ tiêu 14.2 - Xã triển khai thực hiện quản lý sức khoẻ điện tử*

*Chỉ tiêu 14.3 - Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa.*

*Chỉ tiêu 14.4 - Xã triển khai thực hiện tốt sổ sức khoẻ điện tử.*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 14.1*** *- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ≥ 95%:* trên địa bàn 03 xã có số người tham gia bảo hiểm y tế là 24.427/25.585 người, tỷ lệ 95,5%. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 14.2*** *- Xã triển khai thực hiện quản lý sức khoẻ điện tử:* 03xã đã triển khai thực hiện quản lý sức khoẻ điện tử (theo Hướng dẫn tại Công văn số 3081/SYT-KHTC ngày 30/7/2024 của Sở Y tế); ban hành các văn bản theo thẩm quyền triển khai thực hiện; các trạm y tế đã chuẩn bị cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin, trang bị máy vi tính có kết nối mạng Internet, cài đặt, ứng dụng phần mềm thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử; đào tạo cho nhân viên y tế sử dụng phần mềm; có phần mềm (VNPT) kết nối với Bảo hiểm xã hội tỉnh và phần mềm kết nối với Công an tỉnh (đang triển khai thí điểm tích hợp trên VNeID). *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 14.3****- Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa:* 03 xã đã triển khai thực hiên khám chữa bệnh từ xa (*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 14.4-*** *Xã triển khai thực hiện tốt sổ sức khoẻ điện tử:* 03 xã đã triển khai thực hiên tốt sổ sức khoẻ điện tử *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 03/03 xã đạt, duy trì tiêu chí 14- Về Y tế theo chuẩn Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.15. Hành chính công**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*- Chỉ tiêu 15.1 - Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.*

*- Chỉ tiêu 15.2 - Có dịch vụ công trực tuyến một phần.*

*- Chỉ tiêu 15.3 - Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 15.1*** *- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC):* tất cả TTHC được tiếp nhận và giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đúng quy định tại Quyết định số 17/2022/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh. Đồng thời tiếp nhận và giải quyết trên phần mềm một cửa điện tử tại địa chỉ <https://motcua.tayninh.gov.vn/>. Dịch vụ chứng thực bản sao điện tử thực hiện từ đầu năm 2022, thực hiện số hóa.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 15.2*** *- Có dịch vụ công trực tuyến một phần:* 03 xã có cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình; có phát sinh hồ sơ trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, có tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến đạt trên 50%. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 15.3*** *- Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp:* có 100% TTHC được công khai đúng quy định bằng nhiều hình thức như: công khai trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (bằng giấy), công khai trên Cổng thông tin điện tử của xã, công khai trên Cổng dịch vụ công Tây Ninh, hoặc trên Cổng dịch vụ công Quốc gia. Chỉ số cải cách hành chính, phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính từ năm 2020 đến nay đều đạt loại tốt. Mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trong các năm 2020; 2021; 2022; 2023; 2024 luôn đạt mức độ hài lòng cao. Không có phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tại 03 xã. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 03/03 xã đạt, duy trì tiêu chí 15- Hành chính công theo chuẩn Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.16. Tiếp cận pháp luật**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 16.1 - Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở.*

*Chỉ tiêu 16.2 - Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành (đạt ≥ 90%).*

*Chỉ tiêu 16.3 - Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu (đạt ≥ 90%).*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 16.1*** *- Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở.*

*- Mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật:* 03xã ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm đúng quy định, có 06 mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật. Các xã có tổ chức tập huấn cho 100% tuyên truyền viên pháp luật, đảm bảo kinh phí cho 100% nhiệm vụ theo quy định, huy động được nguồn lực hỗ trợ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, đạt điểm tối đa các chỉ tiêu theo quy định; được Chủ tịch UBND thành phố Tây Ninh khen thưởng thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện mô hình “Tổ Phụ nữ tuyên truyền pháp luật”, mô hình “Câu lạc bộ Nông dân với pháp luật” (tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 07/02/2023).

*- Mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở:* có 03 mô hìnhhòa giải ở cơ sở thực hiệntheo quy định tại Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP, có hỗ trợ kinh phí cho hoạt động hoà giải cơ sở; phối hợp với Hội Luật gia thành phố, các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, tổ chức, cá nhân có hiểu biết pháp luật tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho tuyên truyền viên, hòa giải viên; có 02 mô hình: “Tổ hòa giải cơ sở điểm”, “Hòa giải lồng ghép tuyên truyền pháp luật” được khen thưởng thành tích xuất sắc trong triển khai thực mô hình theo Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 07/02/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Tây Ninh.

*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 16.2*** *- Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành (đạt ≥ 90%).*

Các Tổ hòa giải trên địa bàn 03 xã đã tiếp nhận và hòa giải 12 vụ, kết quả hoà giải thành 12/12 vụ, đạt 100%. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 16.3* -** *Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu (đạt ≥ 90%)*

03 xã đã hướng dẫn, tuyên truyền cho 1.827/1.827 người thuộc diện người được trợ giúp pháp lý; có 02 trường hợp thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước hỗ trợ, đạt 100%. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 03/03xã đạt, duy trì tiêu chí số 16 - về Tiếp cận pháp luật theo chuẩn Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.17. Môi trường**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*- Chỉ tiêu 17.1 - Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.*

*- Chỉ tiêu 17.2 - Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%.*

*- Chỉ tiêu 17.3 - Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định đạt ≥ 98%.*

*- Chỉ tiêu 17.4 - Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả đạt ≥ 50%.*

*- Chỉ tiêu 17.5 - Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt ≥ 50%.*

*- Chỉ tiêu 17.6 - Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 100%.*

*- Chỉ tiêu 17.7 - Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường đạt ≥ 80%.*

*- Chỉ tiêu 17.8 - Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt ≥ 95%.*

*- Chỉ tiêu 17 - Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật - và theo quy hoạch.*

*- Chỉ tiêu 17.10 - Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng đạt ≥ 10%.*

*- Chỉ tiêu 17.11 - Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt ≥ 4m2/người theo quy định.*

*- Chỉ tiêu 17.12 - Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt ≥ 90%.*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 17.1*** *- Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường:* 03 xã không có khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản.

***Chỉ tiêu 17.2* -** *Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%:* trên địa bàn 03 xã có229cơ sở sản xuất, kinh doanh,trong đó: 48 cơ sở có hồ sơ môi trường được UBND tỉnh và UBND thành phố Tây Ninh cấp; 182 cơ sở không thuộc trường hợp phải lập hồ sơ môi trường; không có cơ sở nuôi trồng thủy sản và không có làng nghề truyền thống.

UBND xã đã phối hợp với Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố kiểm tra, giám sát các cơ sở đang hoạt động trên địa bàn xã, kết quả: các cơ sở đang hoạt động ổn định và thực hiện đúng theo hồ sơ môi trường đã được cấp phép, phê duyệt.

Tỷ lệ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thuỷ sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường là 229/229 cơ sở, đạt 100%. (*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 17.3*** *- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định đạt ≥ 98%.*

Tổng số dân cư trên địa bàn 03 xã là 6.998 người, tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom 12.647 tấn/12.711 tấn/ngày, đạt 99,5%;tổng chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định 102.273,6/103.465,9 tấn/năm, đạt 98,8%. (*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 17.4*** *- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả đạt ≥ 50%:* trên địa bàn 03 xã có 6.998 hộ, nước thải tại các khu dân cư chủ yếu là nước thải sinh hoạt của người dân như: vệ sinh, tắm, giặt, tẩy rửa,… Phần lớn người dân đều xử lý nước thải bằng bể tự hoại 3 ngăn, có ngăn lọc và hầm tự thấm chứ không tự ý xả ra môi trường. Tỷ lệ hộ gia đình khu dân cư tập trung thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng các biện pháp, công trình phù hợp có 6.998 hộ/6.998 hộ, đạt 100%. (*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 17.5*** *- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt ≥ 50%:* UBND xã xây dựng kế hoạch tuyên truyền về việc phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình. Số hộ dân thực hiện phân loại rác tại nguồn là 3.636/6.998 hộ, đạt tỷ lệ 52 %. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 17.6*** *- Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 100%:* chất thải rắn nguy hại trên địa bàn 03 xã được thu gom, vận chuyển và xử lýlà 19.260 kg/năm/19.260 kg/năm, đạt 100%. (*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 17.7*** *- Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường đạt ≥ 80%:* trong quá trình sản xuất, tổng lượng chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý tái sử dụng trên địa bàn 03 xã đạt 96%.*(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 17.8*** *- Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt ≥ 95%:* 03 xã có tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh, chăn nuôi và bảo vệ môi trường, đạt tỷ lệ 99,82%. (*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo*).

***Chỉ tiêu 17.9*** *- Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật - và theo quy hoạch**:* trên địa bàn 03 xã hiện không có nghĩa trang xây dựng mới, không có cơ sở hỏa táng, có 04 nghĩa trang hiện hữu tại ấp Bình Trung, xã Bình Minh; ấp Thạnh Đông, ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tân; ấp Tân Phước, xã Tân Bình. Khoảng cách an toàn môi trường của nghĩa trang hiện hữu từ hàng rào nghĩa trang tới khu dân cư nông thôn tập trung trên 610 m; tới điểm lấy nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt của điểm dân cư nông thôn tập trung trên 1.120 m; tới sông, hồ (bao gồm sông, hồ không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt) trên 1.340m; tới đường QL22B trên 1.900m. UBND 03 xã đã ban hành Quy chế quản lý nghĩa trang đảm bảo các nội dung cơ bản theo khoản 2 Điều 17 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP; 03 nghĩa trang không có quy hoạch chi tiết, tuy nhiên 03 nghĩa trang này nằm trong đồ án quy hoạch nông thôn mới xã, phù hợp theo Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 của thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Tỷ lệ sử dụng đất các khu chức năng trong nghĩa trang đảm bảo theo quy định. (*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo*).

***- Chỉ tiêu 17.10*** *- Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng đạt ≥ 10%:* việc quàn, chôn cất, hoả táng, diện táng, bốc mộ và di chuyển thi hài, hài cốt: thực hiện theo Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ quy định về quy hoạch và quản lý quy hoạch nghĩa trang và cơ sở hỏa táng; 03 xã thường xuyên tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục và ban hành văn bản quy định rõ việc thực hiện nếp sống văn minh, bảo vệ môi trường trong thực hiện tang lễ; có 14/14 ấp văn hóa, tổ dân cư tự quản đã đưa nội dung thực hiện nếp sống văn minh, bảo vệ môi trường làm tiêu chí đánh giá, đồng thời khuyến khích người dân thực hiện hình thức hỏa táng; đã vận động được 18 người hỏa táng/152 người tử vong (đạt 11,8%). *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***- Chỉ tiêu 17.11*** *- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt ≥ 4m2/người theo quy định:* diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn trên địa bàn 03 xã là 103.400 m2/25.850 người, bình quân đạt 4,0m2/người. (*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 17.12*** *-**Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt ≥ 90%:* chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý trên địa bàn 03 xã: 6.358 kg/6.998 kg (đạt 90,1%). *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

**c) Đánh giá:** 03/03xã đạt, duy trì tiêu chí số17 - Môi trường theo chuẩn Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.18. Chất lượng môi trường sống**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 18.1 - Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung đạt ≥ 65%.*

*Chỉ tiêu 18.2 - Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm ≥ 80 lít.*

*Chỉ tiêu 18.3 - Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững ≥ 40%.*

*Chỉ tiêu 18.4 - Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm đạt 100%.*

*Chỉ tiêu 18.5 - Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã.*

*Chỉ tiêu 18.6 - Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm theo quy định.*

*Chỉ tiêu 18.7 - Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 03 sạch đạt 100%.*

*Chỉ tiêu 18.8 - Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 100%.*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 18.1*** *- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung ≥ 65%:* trên địa bàn 03 xã có 5.313 hộ/7.003 hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung, đạt 75,8%. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 18.2*** *-Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm ≥ 80 lít:* nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân trên địa bàn 03 xã là 99,15 lít/người/ngày đêm. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 18.3*** *- Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững (≥40%):* có 03/03 công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững, đạt 100% (*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 18.4*** *- Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm đạt 100%:* các xã tổ chức tập huấn, truyên truyền VSATTP cho các cơ sở ăn uống, bếp ăn tập thể; phối hợp ngành chuyên môn kiểm tra các cơ sở sản xuất kinh doanh để củng cố, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đạt tỷ lệ 100%. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 18.5*** *- Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã:* tính đến thời điểm báo cáo, 03 xã không xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã. *(Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 18.6*** *-**Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm theo quy định:* có 07/07 cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm trên địa bàn 03 xã, đạt 100%. (*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 18.7*** *- Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch đạt 100%:* 7.069/7.069 hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch, đạt 100%. (*Kết quả được đánh giá cụ thể tại Phụ luc II kèm theo).*

***Chỉ tiêu 18.8*** *- Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 100%:* 03 xã không có bãi chôn lấp chất thải rắn (CTR) sinh hoạt. Chất thải rắn sinh hoạt hiện nay do Công ty cổ phần Công trình đô thị Tây Ninh thực hiện thu gom và giao Công ty cổ phần Công nghệ Môi trường Tây Ninh thực hiện xử lý toàn bộ 100% lượng rác thải sinh hoạt.

**c) Đánh giá:** 03/03 xã đạt, duy trì tiêu chí số 18 - Chất lượng môi trường sống theo chuẩn Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**5.19. Quốc phòng và an ninh**

**a) Yêu cầu tiêu chí**

*Chỉ tiêu 19.1 - Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân theo quy định.*

*Chỉ tiêu 19.2 - Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả theo quy định.*

**b) Kết quả thực hiện**

***Chỉ tiêu 19.1*** *- Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân:* tập trung nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân thông qua lãnh đạo của Đảng ủy, UBND các xã đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương; 03 xã tổ chức huấn luyện, giáo dục chính trị, pháp luật đầy đủ cho lực lượng dân quân; quản lý chặt chẽ công dân trong độ tuổi nghĩa vụ quân sự, hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân đúng pháp luật; thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, không để xảy ra khiếu nại, tố cáo. Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng, tham gia các trang Facebook “Tôi yêu chiến sĩ sao vuông” và “Yêu người chiến sĩ dân quân tự vệ Việt Nam”, tham gia đấu đấu tranh với các thế lực thù địch trên không gian mạng.

***Chỉ tiêu 19.2*** *- Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả theo quy định.*

Hằng năm, Đảng ủy và UBND các xã luôn chú trọng công tác đảm bảo an ninh trật tự, ban hành nghị quyết và kế hoạch chỉ đạo cụ thể, nhằm xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Nhờ sự chỉ đạo sát sao, các xã Bình Minh, Tân Bình và Thạnh Tân không xảy ra các hoạt động vi phạm nghiêm trọng như chống phá Đảng, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, tuyên truyền tín ngưỡng trái pháp luật, hoặc khiếu kiện đông người trái quy định, theo Thông tư số 124/2021/TT-BCA của Bộ Công an. Kết quả nổi bật là số vụ tội phạm về trật tự xã hội giảm đáng kể; 03 xã không thuộc danh mục địa bàn phức tạp về trật tự an toàn xã hội theo Quyết định số 8793/QĐ-BCA ngày 26/12/2023 của Bộ Công an. Lực lượng Công an tại 03 xã tiếp tục khẳng định vai trò nòng cốt trong công tác bảo đảm an ninh trật tự; không có cán bộ, chiến sĩ vi phạm kỷ luật; nội bộ đoàn kết, hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu được giao. Với những thành tích này, cả 03 đơn vị được đánh giá, xếp loại “Đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

Có 01 xã (xã Thạnh Tân) có công dân cư trú trên địa bàn vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ và mua bán trái phép chất ma túy. Qua kết quả điều tra, xác minh của Công an thành phố Tây Ninh về 02 vụ án nêu trên, nhận thấy:

- Đối với vụ vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ: người gây tai nạn cư trú tại xã Thạnh Tân, trong quá trình tham gia giao thông đã vô ý gây ra va chạm dẫn đến hậu quả chết người. Đây là hành vi không có yếu tố cố ý gây nguy hiểm. Lực lượng chức năng đã xử lý nhanh chóng, không để vụ việc gây ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh, trật tự tại địa phương.

- Đối với vụ mua bán trái phép chất ma túy: đối tượng mua bán trái phép chất ma túy không phải là công dân cư trú tại xã Thạnh Tân mà đến từ xã Chà Là, huyện Dương Minh Châu. Lực lượng Công an xã đã chủ động, phối hợp hiệu quả để ngăn chặn kịp thời hành vi vi phạm. Vụ việc không gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn.

Trên địa bàn 03/03 xã có các mô hình như sau: “Tổ dân cư tự quản”, “Vận động toàn dân tham gia tố giác, truy bắt tội phạm ở địa bàn khu dân cư”, “ Nhóm Zalo tuyên truyền phòng, chống tội phạm”, “Sử dụng camera trong đấu tranh phòng, chống tội phạm”. Các mô hình này được Công an các xã thường xuyên hướng dẫn, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động giúp cho lực lượng Công an làm rõ, xử lý nhiều vụ có liên quan an ninh, trật tự, góp phần đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn.

**c) Đánh giá:** 03/03xã đạt, duy trì tiêu chí số 19 - Quốc phòng và an ninh theo chuẩn Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

**6. Đất cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị trên địa bàn**

Diện tích cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị trên địa bànthành phố Tây Ninh 1.150.069 m2/224.280 người (bình quân 5,13 m2/người). Hiện nay, UBND thành phố Tây Ninh tiếp tục chỉ đạo ban hành Kế hoạch vận động trồng cây xanh đường phố, cây xanh tại các tuyến xã NTM để nâng tỷ lệ đất cây xanh công cộng trên địa bàn thành phố Tây Ninh.

**7. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng NTM trên địa bàn thành phố Tây Ninh**

UBND thành phố Tây Ninh đã tập trung chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn thường xuyên rà soát, thống kê, phân loại nợ đọng, xác định cụ thể nguyên nhân để có kế hoạch bố trí vốn xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 thành phố Tây Ninh không còn nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM.

**7. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM/NTM nâng cao**

**7.1. Về quy hoạch**

Trên cơ sở quy hoạch chung của thành phố Tây Ninh và các quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt, rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, đề án xây dựng xã NTM, NTM nâng cao phù hợp với định hướng NTM nâng cao, kiểu mẫu từng xã giai đoạn 2021 - 2025, trong đó tổ chức lập quy hoạch phân khu trên địa bàn 3 xã (để thay thế các đồ án quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới), gắn với cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển chuỗi giá trị, phù hợp với quy định của trung ương, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

**7.2. Về hạ tầng kinh tế - xã hội**

Hàng năm, tập trung ưu tiên nguồn lực, làm tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để đầu tư xây dựng một số công trình trọng điểm của thành phố Tây Ninh trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và đầu tư xây dựng hạ tầng NTM nâng cao, trong đó:

- Về hạ tầng giao thông nông thôn: triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025. Tập trung đầu tư xây dựng các tuyến giao thông và đồng bộ hạ tầng kỹ thuật kết nối nội thị, liên phường, liên xã, kết nối thành phố với các huyện và thị xã giáp ranh; cải tạo nâng cấp trụ sở UBND các xã. Tiếp tục thực hiện đầu tư chỉnh trang, nâng cấp hệ thống cây xanh, chiếu sáng, cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông trên địa bàn 03 xã.

- Về thủy lợi: tiếp tục đầu tư kiên cố hóa kênh mương thủy lợi ở các xã đảm bảo phục vụ nhu cầu tưới tiêu của Nhân dân. Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021 - 2025 xây dựng kiên cố hóa 17 tuyến kênh tưới (≤ 50ha) với tổng diện tích thiết kế là 331ha, tổng chiều dài 5,5 km. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo quản các loại kênh mương được phân cấp, đẩy mạnh xử lý việc lấn chiếm lưu thông kênh. Khai thác, sử dụng nguồn nước thủy lợi tiết kiệm, hợp lý, bảo đảm cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và sinh hoạt của Nhân dân.

- Về hạ tầng các khu dân cư nông thôn: tiếp tục xây dựng các khu dân cư theo đúng quy hoạch được duyệt và quản lý thực hiện theo quy hoạch; gắn công tác xây dựng các dự án phát triển của Thành phố với xây dựng các khu dân cư. Chuẩn bị tốt các điều kiện để mời gọi đầu tư phát triển các dự án khu đô thị mới, dự án xây dựng nhà ở thương mại, nhà ở cho người có thu nhập thấp và các khu tái định cư phục vụ các dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Tây Ninh.

- Về hạ tầng điện: tiếp tục phối hợp ngành Điện đầu tư mở rộng, nâng cấp hạ tầng điện sinh hoạt cho Nhân dân, nâng chất lượng phục vụ ở những vùng lõm điện và điện phục vụ sản xuất. Có kế hoạch đầu tư nâng cấp duy trì đạt chuẩn 100% hệ thống điện chiếu sáng, điện sinh hoạt ở nông thôn.

**7.3. Về kinh tế và tổ chức sản xuất**

Mời gọi và tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư nghiên cứu, triển khai các dự án giải trí, tham quan, thắng cảnh,… Tập trung cùng với tỉnh hỗ trợ, tạo điều kiện cho nhà đầu tư triển khai nhanh các dự án tại Khu du lịch Quốc gia Núi Bà Đen Tây Ninh đã được phê duyệt. Quan tâm đầu tư phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp có thế mạnh trên địa bàn thành phố Tây Ninh gắn với thực hiện Chương trình quốc gia Mỗi xã một sản phẩm, triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch thông qua ứng dụng internet, mạng xã hội.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong xúc tiến đầu tư và sau đầu tư; thường xuyên kiểm tra, giám sát các cam kết đầu tư, đảm bảo môi trường và quyền lợi của người lao động. Định kỳ tổ chức đối thoại với doanh nghiệp, nhà đầu tư nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, nhà đầu tư; động viên, khen thưởng kịp thời các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của địa phương.

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung nội dung liên kết chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp, triển khai sản xuất nông nghiệp theo quy hoạch trong Đồ án quy hoạch xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025. Phát triển các mô hình sản xuất có hiệu quả cao; quy hoạch phát triển một số vùng chuyên sản xuất rau sạch. Đẩy mạnh phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại; duy trì và nhân rộng các vườn có hiệu quả kinh tế cao (Mãng cầu, Dưa lưới,…); gắn phát triển kinh tế vườn với chỉnh trang nhà vườn theo tiêu chí NTM nâng cao, khuyến khích trồng các loại cây cho hiệu quả kinh tế. Phát triển các gia trại, trang trại; giảm dần chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán trong khu dân cư, ưu tiên phát triển chăn nuôi khép kín, ứng dụng công nghệ cao.

Có giải pháp thu hút doanh nghiệp về nông thôn, gắn hoạt động của HTX, doanh nghiệp với khuyến khích mở rộng liên doanh, liên kết tiêu thụ nông sản, phục vụ sản xuất. Rà soát, đánh giá lại việc tiếp cận các cơ chế hỗ trợ sản xuất nông nghiệp của trung ương, tỉnh; trên cơ sở đó, có cơ chế hỗ trợ cho sản xuất nông nghiệp, ưu tiên hỗ trợ để xây dựng các mô hình sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao, các mô hình điểm, trình diễn, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

**7.4. Về Văn hóa - xã hội và môi trường**

Tập trung nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, văn nghệ, các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, gắn với xây dựng NTM, đô thị văn minh. Tăng cường công tác quản lý nhà nước, công tác tuyên truyền vận động, tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức của các ngành và toàn xã hội đối với công tác xây dựng và phát triển văn hóa con người Việt Nam. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách xã hội hóa, khuyến khích thành lập các cơ sở dịch vụ văn hóa; các cơ sở đào tạo nghệ thuật ngoài công lập; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa từ thành phố đến cơ sở.

Tăng cường đầu tư trong việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, các di sản văn hóa phi vật thể, các cảnh quan thiên nhiên; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc thiểu số trong thành phố.

Nâng cao chất lượng hoạt động của các thiết chế văn hóa ở cơ sở, trong đó quan tâm nâng cao chất lượng các Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Học tập cộng đồng, tăng cường bố trí các dụng cụ luyện tập thể dục thể thao, vui chơi tại các điểm sinh hoạt công cộng theo hướng kêu gọi xã hội hóa; phát huy giá trị các di tích lịch sử, lịch sử - văn hóa trên địa bàn.

Triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển du lịch thành ngành kinh tế quan trọng, hấp dẫn với những nét riêng. Khuyến khích, kêu gọi, hỗ trợ nhà đầu tư phát triển hệ thống vui chơi, giải trí để lưu giữ khách. Đẩy mạnh quảng bá và truyền thông về du lịch với nhiều hình thức phù hợp.

Tăng cường chỉ đạo công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Chủ động phòng chống dịch bệnh xảy ra ở người, nâng cao hiệu quả hoạt động mạng lưới y tế cơ sở, chăm sóc sức khỏe ban đầu. Thực hiện tốt công tác dân số và phát triển, bảo vệ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em. Thường xuyên tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia BHYT. Tăng cường kiểm tra và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

Duy trì không còn hộ nghèo theo chuẩn trung ương.

Giải quyết có hiệu quả tình trạng ô nhiễm môi trường, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm xả chất thải nguy hại từ công nghiệp và y tế ra môi trường. Thường xuyên thực hiện công tác truyền thông, tuyên tuyền nâng cao nhận thức trong cộng đồng về công tác bảo vệ môi trường ở nông thôn, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai; phát động phong trào xây dựng tuyến đường hoa, cơ quan, công sở, trường học sáng - xanh - sạch - đẹp. Vận động Nhân dân đầu tư xây dựng và nâng cấp các công trình hợp vệ sinh, chỉnh trang vườn nhà, bố trí chuồng trại chăn nuôi hợp lý và thực hiện tốt nếp sống văn hóa, văn minh.

Tranh thủ các nguồn lực để đầu tư các công trình nước sạch đảm bảo phục vụ sinh hoạt cho người dân. Triển khai thực hiện có hiệu quả các phương án thu gom chất thải rắn trên địa bàn. Nâng cao công tác thẩm định đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố.

**7.5. Về công tác phòng ngừa, trấn áp tội phạm**

Nắm chắc tình hình tranh chấp, khiếu kiện tại địa phương; chỉ đạo, giải quyết dứt điểm không để kéo dài trở thành điểm nóng, tập trung khiếu kiện đông người.

Nâng cao hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, đổi mới nội dung, hình thức, biện pháp tổ chức xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc phù hợp với tình hình, nhiệm vụ bảo vệ ANTT ở từng địa bàn, đảm bảo thiết thực, linh hoạt, sáng tạo, phù hợp. Chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, phương thức, thủ đoạn của các loại tội phạm để nhân dân nắm được, thực hiện và tích cực tham gia đấu tranh, phòng chống tội phạm, cung cấp các nguồn tin có liên quan giúp cơ quan Công an đấu tranh, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật.

Lực lượng Công an xã, lực lượng dân phố, phối hợp cùng UBND các xã xây dựng, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong đấu tranh phòng chống tội phạm, quản lý thanh thiếu niên hư hỏng ... Đây là lực lượng đóng vai trò quan trọng trong việc phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật tại cơ sở.

Thực hiện có hiệu quả chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, phòng chống ma tuý; phòng ngừa nghiệp vụ, phòng ngừa xã hội để kiềm chế, làm giảm các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự xã hội, kinh tế, ma tuý, môi trường; không để hình thành các điểm phức tạp về hình sự, ma túy, ô nhiễm môi trường.

Rà soát các tuyến đường được phân cấp, lắp đặt đầy đủ các biển báo giao thông; đề xuất sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường, tăng cường các biện pháp đảm bảo trật tự ATGT, trật tự công cộng, kiềm chế tai nạn giao thông.

Quản lý chặt chẽ các cơ sở kinh doanh có điều kiện về ANTT, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phòng cháy chữa cháy... nắm chắc biến động về nhân hộ khẩu, nhất là các biến động cơ học.

**7.6. Về xây dựng hệ thống chính trị**

Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên và chất lượng hoạt động của các tổ chức Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từ thành phố đến cơ sở; đổi mới nội dung, phương pháp hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cơ sở; phát huy dân chủ cơ sở để người dân tham gia và giám sát các hoạt động trong quá trình tổ chức thực hiện.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 22-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa X về "Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên". Phấn đấu đến năm 2025, 100% cán bộ, công chức xã đạt trình độ chuyên môn đại học trở lên. Hàng năm, tổ chức cơ sở Đảng, các cơ quan trong hệ thống chính trị hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Xây dựng lực lượng công an từ thành phố đến cơ sở trong sạch, vững mạnh; chính quy hóa lực lượng công an các xã đảm bảo yêu cầu hoạt động; chủ động nắm bắt tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thường xuyên tổ chức ra quân tấn công, trấn áp phòng ngừa các loại tội phạm, không để khiếu kiện đông người, kéo dài, trái pháp luật xảy ra và hạn chế đến mức thấp tội phạm hình sự.

Xây dựng, củng cố 100% ấp có Tổ dân cư tự quản về an ninh trật tự hoạt động hiệu quả, nâng cao chất lượng đấu tranh, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, đảm bảo an ninh nông thôn. Nắm chắc diễn biến tình hình ở từng địa bàn để chủ động phòng ngừa, xử lý kịp thời, không để xảy ra điểm nóng.

**II. KẾT LUẬN**

**1. Về hồ sơ**

Hồ sơ đề nghị xét, công nhận thành phố Tây Ninh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM đầy đủ, đạt yêu cầu so với Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg; Quyết định số 03/2024/QĐ-TTg.

**2. Về số xã, phường đạt chuẩn theo quy định**

Tổng số xã trên địa bàn thành phố Tây Ninh: 03 xã (Bình Minh, Tân Bình, Thạnh Tân). Số xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM: 03/03 xã.

Tổng số phường trên địa bàn thành phố Tây Ninh: 07 phường (1, 2, 3, 4 Hiệp Ninh, Ninh Thạnh, Ninh Sơn). Số phường đã được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh: 07/07 phường.

**3. Về kết quả thực hiện xây dựng NTM ở các xã**

Thành phố Tây Ninh có 03/03 xã (100% số xã) đạt chuẩn NTM; 03/03 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt 100%.

**4. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng NTM trên địa bàn thành phố Tây Ninh**

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 thành phố Tây Ninh không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM.

**III. KIẾN NGHỊ**

Trên cơ sở kết quả thực hiện của UBND thành phố Tây Ninh, đối chiếu với các Quyết định số: 320/QĐ-TTg, 18/QĐ-TTg, 03/2024/QĐ-TTg và các văn bản liên quan, UBND tỉnh Tây Ninh đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xét, công nhận thành phố Tây Ninh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM đến năm 2024.

Trên đây là Báo cáo của UBND tỉnh Tây Ninh về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM năm 2024 đối với thành phố Tây Ninh./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - VPĐP XDNTM Trung ương;  - CT, các PCT. UBND tỉnh;  - Sở NNPTNT;  - UBND TP Tây Ninh;  - LĐVP, PKT;  - Lưu: VT, VPUBND tỉnh. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH** |

1. gồm: rau các loại: 50,4 ha; GlobalGAP/rau: 4.500 m2 ; mô hình quy trình sản xuất cây ăn quả, chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP: diện tích 56,1 ha (mãng cầu);diện tích 3,32 ha ( Dưa lưới); diện tích 0,15ha/100 con bò; diện tích 2ha (xoài, bơ, mãng cầu). Mô hình công nghệ cao: trồng rau trong nhà kính với diện tích 1,6 ha (chủ yếu trồng dưa lưới và rau cải các loại). [↑](#footnote-ref-1)
2. gồm: Xã Bình Minh: Cơ sở Nguyễn Văn Dũng, ấp Kinh tế, trồng khoai mì Mã số vùng VN-72-703-25477-1-23; Xã Thạnh Tân: Vùng trồng mãng cầu Mã số vùng: VN 72-703-25471-4-23 của ông Hà Chí Mãng (ấp Thạnh Hiệp); Mã số: VN-72-703-25471-3-23 của ông Trần Quí Cường (ấp Thạnh Đông). Xã Tân Bình: Quả mãng cầu của ông Trần Minh Tâm mã số vùng VN 72-703-25474-2-23 đạt theo tiêu chuẩn VietGap và liên kết tiêu thụ sản phẩm với Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Minh Trung. [↑](#footnote-ref-2)
3. có 06 trang trại chăn nuôi heo, bò, gà quy mô vừa; 05 trang trại chăn nuôi bò, heo , vịt quy mô nhỏ; 492 hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô nông hộ [↑](#footnote-ref-3)